

Số: 1481/KHPC-TTH

Khánh Hòa, ngày 20 tháng 4 năm 2023

V/v CBTT Biên bản & NQ
ĐHĐCĐ thường niên năm 2023,
Điều lệ sửa đổi lần 22 và Quy
chế nội bộ về quản trị công ty
sửa đổi lần thứ 7

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCCK TPHCM**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM.

- Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA
- Mã chứng khoán: KHP
- Địa chỉ trụ sở chính: 11 Lý Thánh Tôn – TP Nha Trang – Khánh Hòa.
- Điện thoại: 02582.220220
- Fax: 02583.823828
- Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Hải Đức
Chức vụ: Tổng Giám đốc

Loại thông tin công bố : định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố :

1. Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023:

Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 được đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty tại đường dẫn: [https://pckhanhhoa.cpc.vn/Quan hệ cổ đồng/Tài liệu Đại hội đồng cổ đồng](https://pckhanhhoa.cpc.vn/Quan_hệ_cổ_đồng/Tài_liệu_Đại_hội_đồng_cổ_đồng).

2. Điều lệ Công ty sửa đổi lần thứ 22:

Điều lệ Công ty sửa đổi lần thứ 22 được đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty tại đường dẫn: [https://pckhanhhoa.cpc.vn/Quan hệ cổ đồng/Điều lệ Công ty](https://pckhanhhoa.cpc.vn/Quan_hệ_cổ_đồng/Điều_lệ_Công_ty).

3. Quy chế nội bộ về quản trị công ty sửa đổi lần thứ 7:

Quy chế nội bộ về quản trị công ty sửa đổi lần thứ 7 được đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty tại đường dẫn: [https://pckhanhhoa.cpc.vn/Quan hệ cổ đồng/Quy chế quản trị nội bộ](https://pckhanhhoa.cpc.vn/Quan_hệ_cổ_đồng/Quy_chế_quản_trị_nội_bộ).

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 20/04/2023 tại đường dẫn : <https://pckhanhhoa.cpc.vn>/Quan hệ cổ đông/Thông tin định kỳ.

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS Công ty;
- Ban TGD Công ty;
- Lưu: VT, TKCT, Tổ TH.

Tài liệu đính kèm:

- Biên bản ĐHĐCĐ thường niên năm 2023;
- NQ ĐHĐCĐ thường niên năm 2023;
- Điều lệ Công ty sửa đổi lần thứ 22;
- Quy chế nội bộ về quản trị công ty sửa đổi lần thứ 7.



Khánh Hòa, ngày 19 tháng 04 năm 2023

**BIÊN BẢN PHIÊN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HOÀ**

I. Thông tin về Công ty

1. Tên Công ty: Công ty Cổ phần Điện Lực Khánh Hoà.
2. Địa chỉ : Số 11 - Lý Thánh Tôn – TP Nha Trang – tỉnh Khánh Hoà.
3. Giấy CNĐKDN: Số 4200601069 do Sở KHĐT Khánh Hoà cấp lần đầu ngày 30/06/2005 và thay đổi lần thứ 14 ngày 09/06/2022.

II. Thời gian, địa điểm tổ chức Đại hội

1. Thời gian: Từ 8h00 đến 11h00 ngày 19/04/2023;
2. Địa điểm: Hội trường Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa - Số 11 Lý Thánh Tôn – TP Nha Trang – tỉnh Khánh Hoà;

III. Thành phần tham dự Đại hội

❖ Hội đồng quản trị

1. Ông Nguyễn Cao Ký : Chủ tịch HĐQT Công ty
2. Ông Nguyễn Hải Đức : Thành viên HĐQT kiêm TGD Công ty
3. Ông Đào Truyền : Thành viên HĐQT Công ty
4. Ông Trần Văn Khoa : Thành viên độc lập HĐQT Công ty
5. Ông Nguyễn Hữu Tâm : Thành viên độc lập HĐQT Công ty

❖ Ban kiểm soát

1. Bà Nguyễn Thị Vân : Trưởng Ban kiểm soát Công ty
2. Ông Phan Công Bình : Thành viên Ban Kiểm soát Công ty
3. Ông Lê Hải Thuyết : Thành viên Ban Kiểm soát Công ty

❖ Đại diện Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA Việt Nam

1. Ông Phạm Quang Trung : Tổng Giám đốc
2. Ông Kim Văn Việt : Kiểm toán viên

❖ Đại biểu là cổ đông có quyền biểu quyết:

- Tổng số cổ đông của Công ty: 6.269 cổ đông.
- Tổng số cổ phần của Công ty: 60.405.967 cổ phần.



- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết đang lưu hành của Công ty: 58.905.967 cổ phần (không bao gồm 1.500.000 cổ phiếu quỹ).

- Số cổ đông tham dự đại hội: 28 cổ đông sở hữu và đại diện ủy quyền 32.918.566 cổ phần chiếm 55,88% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

(có danh sách tham dự đính kèm)

IV. Chương trình và nội dung cuộc họp

A. Thủ tục khai mạc :

1. Đón tiếp đại biểu, khai mạc Đại hội vào lúc 8h00.
2. Tuyên bố lý do - giới thiệu thành phần tham dự.
3. Báo cáo kết quả kiểm tra cổ đông tham dự Đại hội.
4. Thông qua Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại hội.
5. Giới thiệu và biểu quyết thông qua:
 - Giới thiệu thành phần Chủ tịch Đoàn, Ban Thư ký
 - Thông qua Ban kiểm phiếu các nội dung biểu quyết và bầu cử.
 - Thông qua chương trình Đại hội.

B. Nội dung Đại hội :

1. Báo cáo của HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch SXKD năm 2023.
2. Báo cáo của Ban Kiểm soát về việc thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Công ty năm 2022.
3. Đọc tờ trình các nội dung thông qua tại Đại hội:
 - 3.1. Thông qua báo cáo của HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch SXKD năm 2023.
 - 3.2. Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát về việc thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Công ty năm 2022.
 - 3.3. Thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2022 của Công ty.
 - 3.4. Thông qua việc phân phối lợi nhuận và cổ tức năm 2022.
 - 3.5. Thông qua phương án sử dụng cổ phiếu quỹ để chia cho cổ đông hiện hữu.
 - 3.6. Thông qua việc thôi nhiệm thành viên BKS Công ty.
 - 3.7. Thông qua việc điều chỉnh một số ngành nghề đăng ký kinh doanh của Công ty.
 - 3.8. Thông qua việc sửa đổi Điều lệ Công ty.
 - 3.9. Thông qua việc sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
 - 3.10. Thông qua các chỉ tiêu về kế hoạch kinh doanh của Công ty năm 2023.
 - 3.11. Thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận và cổ tức năm 2023.
 - 3.12. Thông qua báo cáo tiền lương, thù lao thành viên HĐQT, BKS, tiền lương Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty năm 2022.

- 3.13. Thông qua việc bổ sung tiền lương thù lao của HĐQT, BKS, Ban TGD và Kế toán trưởng Công ty năm 2022.
- 3.14. Thông qua mức tiền lương Chủ tịch HĐQT chuyên trách, Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách, thù lao thành viên HĐQT, thành viên BKS năm 2023.
- 3.15. Thông qua việc lựa chọn danh sách các công ty kiểm toán để kiểm toán báo cáo tài chính bán niên và cả năm 2023 của Công ty.
4. Đại hội thảo luận và biểu quyết các nội dung 1,2,3.

C. Đại hội giải lao.

D. Tổ chức bầu bổ sung thành viên BKS Công ty nhiệm kỳ 2020-2024

1. Thông qua Quy chế đề cử, ứng cử và bầu bổ sung thành viên BKS.
2. Tờ trình về bầu bổ sung thành viên BKS Công ty nhiệm kỳ 2020-2024. Thông qua danh sách đề cử, ứng cử.
3. Thông qua nguyên tắc bầu cử và hướng dẫn bầu cử.
4. Tiến hành bầu cử và kiểm phiếu.

E. Tổng kết Đại hội.

1. Ban kiểm phiếu báo cáo kết quả biểu quyết các nội dung thông qua tại Đại hội.
2. Ban kiểm phiếu báo cáo kết quả bầu bổ sung thành viên BKS Công ty.
3. Ra mắt thành viên BKS mới. Chia tay thành viên BKS cũ.
4. Chủ tịch đoàn thông qua kết quả biểu quyết các nội dung thông qua tại Đại hội.
5. Thông qua biên bản và nghị quyết Đại hội.
6. Bế mạc Đại hội.

V. Tóm tắt diễn tiến cuộc họp và các ý kiến phát biểu.

A. Các thủ tục khai mạc Đại hội.

1. Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu và thành phần tham dự.

Ông Nguyễn Thái Sơn thay mặt Ban tổ chức: Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu và các thành phần tham dự Đại hội.

2. Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông:

Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân, Trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội:

Tại thời điểm 8h00 ngày 19/04/2023, tổng số cổ đông tham dự: 26 cổ đông, sở hữu và đại diện cho 32.862.538 cổ phần chiếm tỷ lệ 55,79% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết đang lưu hành của Công ty;

Căn cứ khoản 1 Điều 145 Luật doanh nghiệp 2020 và Điều lệ Công ty quy định về điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa đủ điều kiện tiến hành.

3. Thông qua Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại hội:

Ông Nguyễn Thái Sơn trình bày và thông qua Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại hội.

Đại hội biểu quyết thông qua Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại hội với tỷ lệ thống nhất 100%;

4. Giới thiệu và thông qua Chủ tịch đoàn, Ban thư ký Đại hội:

Ông Nguyễn Thái Sơn: Giới thiệu Chủ tịch đoàn, Thư ký đoàn.

Chủ tịch đoàn :

1. Ông Nguyễn Cao Ký : Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.
2. Ông Nguyễn Hải Đức : Tổng Giám đốc Công ty.

Thư ký đoàn :

1. Ông Lê Anh Khôi : Thư ký Công ty.
2. Ông Nguyễn Đình Phước : Chuyên viên Tổ Tổng hợp trực thuộc HĐQT.

B. Nội dung Đại hội

1. Giới thiệu và thông qua các nội dung chương trình Đại hội

Ông Nguyễn Cao Ký: báo cáo các nội dung chương trình Đại hội và xin ý kiến Đại hội biểu quyết thông qua.

Đại hội biểu quyết thông qua nội dung chương trình Đại hội với tỷ lệ thống nhất 100%;

2. Báo cáo của HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch SXKD năm 2023.

Ông Nguyễn Hải Đức – thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty trình bày Báo cáo của HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch năm 2023.

3. Báo cáo của Ban Kiểm soát về việc thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Công ty năm 2022.

Bà Nguyễn Thị Vân - Trưởng Ban kiểm soát Công ty trình bày Báo cáo của Ban kiểm soát về việc thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Công ty năm 2022.

4. Thông qua Ban kiểm phiếu:

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại hội, ngoài nhân sự Ban kiểm phiếu do Ban Tổ chức đã đề cử, ông Nguyễn Cao Ký – Chủ tịch đoàn đề nghị Đại hội bầu bổ sung thêm ông Lê Long Việt là cổ đông của Công ty tham gia Ban kiểm phiếu. Nhân sự Ban kiểm phiếu như sau:

1. Ông Dương Xuân Thắng - Trưởng ban
2. Ông Nguyễn Niệm - Thành viên
3. Ông Nguyễn Hồng Phước - Thành viên
4. Ông Lê Long Việt - Thành viên

Đại hội biểu quyết thông qua các nội dung trên với tỷ lệ thống nhất 100%;

C. Tờ trình của HĐQT Công ty về các nội dung xin ý kiến biểu quyết tại Đại hội

Ông Nguyễn Hải Đức báo cáo các Tờ trình của HĐQT Công ty về các nội dung xin ý kiến biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

D. Đại hội thảo luận các nội dung biểu quyết.

Các cổ đông không có câu hỏi về các nội dung biểu quyết tại Đại hội.

E. Báo cáo số lượng cổ đông tham dự Đại hội trước khi biểu quyết

Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân - Trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội tại thời điểm chuẩn bị biểu quyết.

Tại thời điểm 09h45' ngày 19/04/2023, tổng số cổ đông tham dự: 28 cổ đông, sở hữu và đại diện cho 32.918.566 cổ phần chiếm tỷ lệ 55,88% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết đang lưu hành của Công ty.

F. Đại hội tiến hành biểu quyết và thông qua các báo cáo và tờ trình của HĐQT

Ông Nguyễn Cao Ký thông qua từng nội dung đề các cổ đông thực hiện việc biểu quyết bằng phiếu biểu quyết và thẻ biểu quyết.

Ban kiểm phiếu tiến hành thu phiếu biểu quyết và thực hiện việc kiểm phiếu.

G. Đại hội giải lao 10 phút.

H. Đại hội bầu bổ sung thành viên BKS Công ty nhiệm kỳ 2020-2024.

1. Tờ trình về bầu bổ sung thành viên BKS Công ty nhiệm kỳ 2020-2024. Thông qua danh sách đề cử, ứng cử.

Ông Nguyễn Cao Ký báo cáo Tờ trình về việc bầu bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ 2020-2024 và xin ý kiến Đại hội biểu quyết thông qua danh sách đề cử, ứng cử thành viên BKS Công ty do Tổng công ty Điện lực miền Trung (cổ đông sở hữu 52,14% vốn điều lệ công ty) đề cử như sau:

- Ông Nguyễn Hữu Minh.
- Bà Huỳnh Thị Kim Hoàng.

Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ thống nhất 100%.

2. Thông qua Quy chế đề cử, ứng cử và bầu bổ sung thành viên BKS

Ông Nguyễn Cao Ký – Chủ tịch đoàn trình bày Quy chế đề cử, ứng cử và bầu bổ sung thành viên BKS.

Đại hội biểu quyết thông qua nội dung Quy chế với tỷ lệ thống nhất 100%.

3. Thông qua nguyên tắc bầu cử và hướng dẫn bầu cử. Tiến hành bầu cử và kiểm phiếu.

Ông Dương Xuân Thắng - Trưởng Ban kiểm phiếu thông qua nguyên tắc bầu cử và hướng dẫn cổ đông kiểm tra và lấy phiếu bầu cử đã được gửi trong tài liệu khi cổ đông đến dự Đại hội. Đại hội tiến hành bầu cử và Ban kiểm phiếu thu phiếu bầu cử, tiến hành kiểm phiếu.

VI. Tổng kết Đại hội

A. Thông qua kết quả biểu quyết các nội dung thông qua tại Đại hội.

1. Ông Dương Xuân Thắng – Trưởng Ban kiểm phiếu đọc Biên bản kiểm phiếu kết quả biểu quyết các nội dung thông qua tại Đại hội bằng phiếu biểu quyết.
2. Ông Nguyễn Cao Ký – Chủ tịch đoàn thông qua kết quả biểu quyết các nội dung thông qua tại Đại hội bằng phiếu biểu quyết do Ban kiểm phiếu đã báo cáo.

Kết quả Đại hội đã thông qua các nội dung biểu quyết như sau:

1. Thông qua Báo cáo của HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch năm 2023

Thông qua kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022 với các chỉ tiêu chính sau:

STT	Chỉ tiêu	Kết quả thực hiện năm 2022 (tỷ đồng)
1	Tổng doanh thu	5.208,179
2	Tổng chi phí	5.134,433
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	73,746
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp	14,733
5	Lợi nhuận sau thuế	59,013
6	Hoạt động đầu tư xây dựng	340,633

Kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu tán thành: 26 phiếu tương ứng với 32.850.892 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp;
- Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu tương ứng với 0 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp;
- Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu tương ứng với 0 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp;

2. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về việc thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Công ty năm 2022

Kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu tán thành: 26 phiếu tương ứng với 32.850.892 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp;
- Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu tương ứng với 0 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp;
- Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu tương ứng với 0 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp;

3. Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022 của Công ty

Kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu tán thành: 26 phiếu tương ứng với 32.850.892 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp;
- Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu tương ứng với 0 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp;
- Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu tương ứng với 0 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp;

4. Thông qua việc phân phối lợi nhuận, cổ tức năm 2022

Căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 và Báo cáo tài chính đã kiểm toán, ĐHĐCĐ thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận và cổ tức năm 2022 như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thuyết minh	Thực hiện 2022
1	Vốn điều lệ	Đồng	(1.1)+(1.2)	604.059.670.000
1.1	Vốn điều lệ lưu hành	Đồng		589.059.670.000
1.2	Cổ phiếu quỹ	Đồng		15.000.000.000
2	Lợi nhuận để lại các năm trước	Đồng		46.976.450.008
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2022	Đồng		59.013.313.030
4	Quỹ khen thưởng-phúc lợi	Đồng	(4.1)+(4.2)	19.277.516.309
4.1	Quỹ khen thưởng CBCNV	Đồng		9.077.516.309
4.2	Quỹ phúc lợi	Đồng		10.200.000.000
5	Khen thưởng Người quản lý	Đồng		461.700.000
6	Lợi nhuận sau thuế năm 2022 còn lại sau khi phân chia các quỹ	Đồng	(3)-(4)-(5)	39.274.096.721
7	Lợi nhuận sau thuế lũy kế từ năm 2022 trở về trước	Đồng	(2)+(6)	86.250.546.729
8	Cổ tức 7,5% trên vốn điều lệ lưu hành	Đồng	(1.1)*7,5%	44.179.475.250
8.1	Đã chia đợt 1: 5% bằng tiền mặt	Đồng	(1.1)*5%	29.452.983.500
8.2	Chia đợt 2: 2,5% bằng tiền mặt	Đồng	(1.1)*2,5%	14.726.491.750
9	Lợi nhuận còn lại sau chia cổ tức	Đồng	(6)-(8)	42.071.071.479
9.1	Lợi nhuận năm 2022 còn lại sau chia cổ tức	Đồng	(6)-(8.1)	9.821.113.221
9.2	Lợi nhuận năm 2021 trở về trước còn lại sau chia cổ tức	Đồng	(2)-(8.2)	32.249.958.258

ĐHĐCĐ thông qua mức cổ tức năm 2022 là 7,5% trên vốn điều lệ lưu hành. Trong đó bao gồm:

- Đã tạm ứng trả cổ tức đợt 1 bằng tiền mặt cho cổ đông với tỷ lệ 5% từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối năm 2022.

- Chia cổ tức đợt 2 bằng tiền mặt cho cổ đông với tỷ lệ 2,5% trên vốn điều lệ lưu hành từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối năm 2021 trở về trước.

Ủy quyền cho HĐQT Công ty thực hiện các thủ tục chốt danh sách cổ đông chia cổ tức đợt 2 bằng tiền mặt sau khi được ĐHĐCĐ năm 2023 thông qua.

Kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu tán thành: 26 phiếu tương ứng với 32.850.892 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp;
- Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu tương ứng với 0 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp;
- Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu tương ứng với 0 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp;

5. Thông qua Phương án sử dụng cổ phiếu quỹ để chia cho cổ đông hiện hữu

Tên cổ phiếu	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa
Mã chứng khoán	KHP
Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông, không hạn chế chuyển nhượng
Mệnh giá cổ phiếu	10.000 đồng/cổ phiếu (mười nghìn đồng/cổ phiếu)
Tổng số cổ phiếu đã phát hành	60.405.967 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	58.905.967 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu quỹ	1.500.000 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu quỹ dự kiến được dùng để chia cho cổ đông	1.472.649 cổ phiếu
Tổng giá trị cổ phiếu quỹ dự kiến dùng theo mệnh giá	14.726.490.000 đồng
Tỷ lệ phân phối (số lượng cổ phiếu quỹ chia cho cổ đông/số lượng cổ phiếu đang lưu hành)	2,5% tổng số cổ phiếu đang lưu hành, tương đương với tỷ lệ thực hiện quyền 40:1. Tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện việc chia cổ phiếu quỹ cho cổ đông, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được nhận 01 quyền và cứ 40 quyền, cổ đông được nhận thêm 1 cổ phiếu.
Đối tượng phát hành	Cổ đông hiện hữu của Công ty theo danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền nhận chia cổ phiếu quỹ do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) cung cấp. (Không bao gồm cổ phiếu quỹ).
Hình thức phát hành	Chia cổ phiếu quỹ cho cổ đông hiện hữu
Nguồn vốn	Nguồn vốn thực hiện chia cổ phiếu quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty trên Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022.

Nguyên tắc xác định giá	Cổ phiếu quỹ được chia cho cổ đông hiện hữu từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, cổ đông không phải nộp tiền mua cổ phiếu
Hạn chế chuyển nhượng	Không hạn chế
Phương án xử lý cổ phiếu lẻ	Số lượng cổ phiếu quỹ chia cho cổ đông hiện hữu sẽ theo tỷ lệ phân phối quyền đối với từng cổ đông được tính theo số nguyên, phần thập phân sẽ không được làm tròn thành 01 cổ phiếu. Số cổ phần lẻ phát sinh (phần thập phân) (nếu có) không phân phối cho cổ đông và được giữ lại làm cổ phiếu quỹ. <i>Ví dụ: Cổ đông Nguyễn Văn A sở hữu 386 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách cổ đông. Với tỷ lệ thực hiện quyền 40:1, cổ đông Nguyễn Văn A sẽ được nhận thêm số cổ phiếu là $(386 \times 1)/40 = 9,65$ cổ phiếu. Như vậy, cổ đông A sẽ được nhận thêm số cổ phiếu là 09 cổ phiếu. Số cổ phiếu lẻ 0,65 cổ phiếu sẽ không phân phối cho cổ đông và được giữ lại làm cổ phiếu quỹ.</i>
Số lượng cổ phiếu quỹ dự kiến còn lại sau khi chia cho cổ đông	27.351 cổ phiếu
Cổ phiếu lưu hành dự kiến sau khi chi cổ phiếu quỹ	60.378.616 cổ phiếu.
Thời gian thực hiện	Trong năm 2023, sau khi có ý kiến chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền và sau khi UBCKNN thông báo nhận được tài liệu báo cáo sử dụng cổ phiếu quỹ để chia cho cổ đông hiện hữu của Công ty.

• Ủy quyền cho HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty

- Chủ động xây dựng và giải trình hồ sơ xin phép chia cổ phiếu từ nguồn cổ phiếu quỹ cho cổ đông gửi Ủy ban Chứng khoán nhà nước (UBCKNN) và các cơ quan có thẩm quyền khác. Đồng thời, chủ động điều chỉnh phương án phát hành và các hồ sơ khác có liên quan theo yêu cầu của UBCKNN và các cơ quan chức năng khác.
- Quyết định thời gian chốt danh sách cổ đông để thực hiện phương án chia cổ phiếu từ nguồn cổ phiếu quỹ cho cổ đông như trên và thay đổi thời gian thực hiện phù hợp với tình hình thực tế.
- Thực hiện các thủ tục đảm bảo việc chia cổ phiếu từ nguồn cổ phiếu quỹ cho cổ đông đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài đối với các ngành nghề mà Công ty đã đăng ký kinh doanh.
- Lựa chọn công ty chứng khoán làm đại lý thực hiện việc chia cổ phiếu quỹ cho cổ đông hiện hữu.
- Phê chuẩn, thông qua các tài liệu, thực hiện tất cả các nội dung, thủ tục có liên quan đến việc sử dụng cổ phiếu quỹ để chia cho cổ đông hiện hữu sau khi có ý kiến, hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền và các bên có liên quan theo quy định của pháp luật.

Kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu tán thành: **26** phiếu tương ứng với **32.850.892** cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm **100%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp;
- Tổng số phiếu không tán thành: **0** phiếu tương ứng với **0** cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm **0%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp;
- Tổng số phiếu không có ý kiến: **0** phiếu tương ứng với **0** cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm **0%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp;

6. Thông qua việc thôi nhiệm thành viên BKS Công ty

Đại hội thông qua các đơn của ông Phan Công Bình và ông Lê Hải Thuyết thôi tham gia thành viên BKS Công ty nhiệm kỳ 2020 – 2024 kể từ ngày 19/04/2023.

Kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu tán thành: **26** phiếu tương ứng với **32.850.892** cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm **100%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp;
- Tổng số phiếu không tán thành: **0** phiếu tương ứng với **0** cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm **0%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp;
- Tổng số phiếu không có ý kiến: **0** phiếu tương ứng với **0** cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm **0%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp;

7. Thông qua việc sửa đổi một số ngành nghề đăng ký kinh doanh của Công ty

Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua việc sửa đổi một số ngành nghề đăng ký kinh doanh đã đăng ký của Công ty như sau:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết	Mã ngành	Ghi chú
1	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: <i>Khảo sát, thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 110KV, nhà máy điện cấp 4; Giám sát thi công xây dựng công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 110KV; Tư vấn lập dự án đầu tư, quản lý dự án nhà máy nhiệt điện nhỏ, đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến đến 110KV và các công trình viễn thông; Tư vấn thẩm tra dự án đầu tư công trình điện đến cấp điện áp 110KV; Tư vấn thiết kế hệ thống phòng cháy, chữa cháy; Tư vấn thiết kế hệ thống năng lượng tái tạo.</i>	7110	

Đại hội ủy quyền cho HĐQT hoặc Tổng Giám đốc Công ty thực hiện các thủ tục liên quan đến việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp sau khi được ĐHĐCĐ thông qua việc điều chỉnh nêu trên.

Kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu tán thành: **26** phiếu tương ứng với **32.850.892** cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm **100%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp;
- Tổng số phiếu không tán thành: **0** phiếu tương ứng với **0** cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm **0%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp;

- Tổng số phiếu không có ý kiến: **0** phiếu tương ứng với **0** cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm **0%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp;

8. Thông qua việc sửa đổi Điều lệ Công ty

Đại hội thông qua việc sửa đổi các nội dung trong Điều lệ Công ty lần thứ 22 theo như Tờ trình số 68/TTr-KHPC ngày 29/03/2023 của HĐQT Công ty. Cụ thể:

- Sửa phần mở đầu: “Điều lệ này đã được sửa đổi, bổ sung và thông qua theo nghị quyết hợp lệ số 01/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên **2023** của Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa được tổ chức chính thức vào **ngày 19 tháng 04 năm 2023**”.

- Sửa khoản 1 Điều 4 về ngành nghề kinh doanh của Công ty:

- + Trước điều chỉnh: *Khảo sát, thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp cấp điện áp đến 110kV cấp 2, nhà máy điện cấp 4.*

- + Sau điều chỉnh: *Khảo sát, thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp cấp điện áp đến 110kV cấp 2, nhà máy điện cấp 4.*

- Sửa Khoản 1 Điều 60. Ngày hiệu lực: “1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 61 điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm **2023** Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa nhất trí thông qua **ngày 19 tháng 04 năm 2023** tại tỉnh Khánh Hoà và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này”.

Kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu tán thành: **26** phiếu tương ứng với **32.850.892** cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm **100%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp;
- Tổng số phiếu không tán thành: **0** phiếu tương ứng với **0** cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm **0%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp;
- Tổng số phiếu không có ý kiến: **0** phiếu tương ứng với **0** cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm **0%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp;

9. Thông qua việc sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty

Đại hội thông qua việc sửa đổi các nội dung trong Quy chế nội bộ về quản trị công ty theo như Tờ trình số 68/TTr-KHPC ngày 29/03/2023 của HĐQT Công ty. Cụ thể:

- Sửa khoản 1 Điều 44: Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty từ 4 năm thành 5 năm.

- Sửa khoản 1 Điều 48: Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc từ 4 năm thành 5 năm.

Kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu tán thành: **26** phiếu tương ứng với **32.850.892** cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm **100%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp;
- Tổng số phiếu không tán thành: **0** phiếu tương ứng với **0** cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm **0%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp;
- Tổng số phiếu không có ý kiến: **0** phiếu tương ứng với **0** cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm **0%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp;

10. Thông qua kế hoạch kinh doanh của Công ty năm 2023:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2023	So với TH năm 2022
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	604,060	100%
4	Điện thương phẩm	Tr.KWh	2.537	104%
5	Tổng doanh thu (SXĐ và hoạt động khác)	Tỷ đồng	5.338,539	103%
6	Tổng chi phí (SXĐ và hoạt động khác)	Tỷ đồng	5.288,339	103%
7	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	50,200	68%

Kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu tán thành: **26** phiếu tương ứng với **32.850.892** cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm **100%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp;
- Tổng số phiếu không tán thành: **0** phiếu tương ứng với **0** cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm **0%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp;
- Tổng số phiếu không có ý kiến: **0** phiếu tương ứng với **0** cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm **0%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp;

11. Thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận và dự kiến mức cổ tức năm 2023

Đại hội thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận và dự kiến mức cổ tức năm 2023 như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2023
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	604,060
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	50,200
3	Thuế TNDN	Tỷ đồng	11,044
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	39,156
5	Trích lập các Quỹ theo quy định (*)	Tỷ đồng	
6	Tỷ lệ cổ tức trên vốn điều lệ	%	6%

Ghi chú: (*) Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ khen thưởng Người quản lý, Kiểm soát viên theo Điều 8 Nghị định 53/2016 của Thủ tướng Chính phủ ngày 13/06/2016.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT Công ty quyết định tỷ lệ, thời điểm, nguồn chi trả, phương thức tạm ứng cổ tức và quyết định các thủ tục liên quan đến việc tạm ứng cổ tức năm 2023 căn cứ vào tình hình của Công ty.

Kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu tán thành: **26** phiếu tương ứng với **32.850.892** cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm **100%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp;
- Tổng số phiếu không tán thành: **0** phiếu tương ứng với **0** cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm **0%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp;
- Tổng số phiếu không có ý kiến: **0** phiếu tương ứng với **0** cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm **0%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp;

12. Thông qua báo cáo tiền lương, thù lao thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, tiền lương Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty năm 2022.

ĐHĐCĐ thống nhất thông qua kết quả thực hiện năm 2022 như sau:

- Tổng số thù lao HĐQT : 223,56 triệu đồng.
- Tiền lương Chủ tịch HĐQT : 437,40 triệu đồng.
- Tổng số thù lao BKS : 149,04 triệu đồng.
- Tiền lương Trưởng BKS : 388,80 triệu đồng.
- Tiền lương Ban TGD, KTT : 1.879,20 triệu đồng.

Kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu tán thành: 26 phiếu tương ứng với 32.850.892 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp;
- Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu tương ứng với 0 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp;
- Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu tương ứng với 0 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp;

13. Bổ sung tiền lương thù lao của HĐQT, BKS, Ban TGD và Kế toán trưởng năm 2022

Đại hội thông qua việc Công ty trích bổ sung 20% tiền lương và thù lao cho HĐQT, BKS, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng năm 2022 như sau:

- TL của Chủ tịch HĐQT, Trưởng BKS, Ban TGD và KTT: 541,08 triệu đồng.
- Thù lao của thành viên HĐQT, BKS : 74,52 triệu đồng.

Kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu tán thành: 26 phiếu tương ứng với 32.850.892 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp;
- Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu tương ứng với 0 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp;
- Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu tương ứng với 0 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp;

14. Thông qua mức tiền lương Chủ tịch HĐQT chuyên trách, Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách, thù lao thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát năm 2023

Đại hội đồng cổ đông thông qua mức thù lao của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, tiền lương Chủ tịch HĐQT chuyên trách, Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách năm 2023 như sau:

TT	Chức danh	Tiền lương tháng	Thù lao tháng	Số người
I	Hội đồng quản trị			
1	Chủ tịch HĐQT	36,45		1
2	Thành viên HĐQT kiêm TGD (*)			1
3	Thành viên HĐQT (không chuyên trách)		6,21	3

TT	Chức danh	Tiền lương tháng	Thù lao tháng	Số người
II	Ban kiểm soát			
1	Trưởng BKS	32,4		1
2	Thành viên BKS		6,21	2

Ghi chú: (*) Thành viên HĐQT kiêm TGD không có thù lao thành viên HĐQT, chỉ có tiền lương TGD.

Mức tiền lương trên đã áp dụng hệ số điều chỉnh tăng 0,35 lần so với mức lương cơ bản theo Quyết định số 135/QĐ-EVN ngày 31/10/2021 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Thù lao của thành viên HĐQT, BKS bằng 20% tiền lương của thành viên HĐQT chuyên trách, thành viên BKS chuyên trách, tăng/giảm tương ứng với mức tăng/giảm tiền lương của thành viên HĐQT chuyên trách, thành viên BKS chuyên trách.

Căn cứ kết quả hoạt động SXKD năm 2023, Công ty sẽ thực hiện việc quyết toán tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty theo Nghị định 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ, Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ lao động và TBXH và Quyết định số 135/QĐ-EVN ngày 30/10/2021 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu tán thành: 26 phiếu tương ứng với 32.850.892 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp;
- Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu tương ứng với 0 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp;
- Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu tương ứng với 0 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp;

15. Thông qua việc lựa chọn danh sách các công ty kiểm toán để kiểm toán Báo cáo tài chính bán niên và cả năm 2023 của Công ty

Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách và ủy quyền cho HĐQT Công ty lựa chọn 01 công ty kiểm toán trong 03 công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết, theo danh sách đề nghị của Ban Kiểm soát để kiểm toán Báo cáo tài chính bán niên và cả năm 2023 cho Công ty, bao gồm:

- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.
- Công ty TNHH Grant Thornton (Việt Nam).
- Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA Việt Nam

Kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu tán thành: 26 phiếu tương ứng với 32.850.892 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp;
- Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu tương ứng với 0 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp;
- Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu tương ứng với 0 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp;

B. Kết quả bầu bổ sung thành viên BKS Công ty nhiệm kỳ 2020 – 2024**1. Ban kiểm phiếu báo cáo Đại hội kết quả bầu bổ sung thành viên BKS Công ty nhiệm kỳ 2020 – 2024**

Ông Dương Xuân Thắng - Trưởng Ban kiểm phiếu đọc Biên bản kiểm phiếu bầu bổ sung thành viên BKS Công ty nhiệm kỳ 2020 – 2024.

1.1. Kết quả bầu bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ 2020-2024 như sau:

- + Tổng số phiếu phát ra: 28 phiếu tương ứng với 65.837.132 quyền biểu quyết.
- + Tổng số phiếu thu vào: 26 phiếu tương ứng với 65.701.784 quyền biểu quyết.
- + Tổng số phiếu hợp lệ: 26 phiếu tương ứng với 65.701.784 quyền biểu quyết.
- + Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu tương ứng với 0 quyền biểu quyết.

Kết quả bầu cử:

STT	Họ và tên	Số quyền biểu quyết được bầu	Tỷ lệ so với tổng số quyền biểu quyết hợp lệ
1	Nguyễn Hữu Minh	32.903.169	100,16%
2	Huỳnh Thị Kim Hoàng	32.798.615	99,84%

1.2. Công bố kết quả kiểm phiếu:

Căn cứ quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế bầu bổ sung thành viên BKS Công ty đã được thông qua tại ĐHCĐ thường niên năm 2023 và kết quả kiểm phiếu.

Ban kiểm phiếu công bố kết quả bầu cử như sau:

Ông Nguyễn Hữu Minh và bà Huỳnh Thị Kim Hoàng đã trúng cử thành viên BKS Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa nhiệm kỳ IV năm 2020 – 2024.

2. Chia tay thành viên BKS cũ và ra mắt thành viên BKS mới .**C. Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội**

Ông Lê Anh Khôi – Thư ký Đại hội đọc dự thảo Biên bản và Nghị quyết Đại hội

Đại hội đồng cổ đông Công ty đã biểu quyết thống nhất thông qua toàn văn dự thảo Biên bản đại hội và Nghị quyết của Đại hội với tỷ lệ thống nhất 100%.

D. Bế mạc Đại hội

Ông Nguyễn Cao Ký - Chủ tọa Đại hội tuyên bố bế mạc Đại hội.

Đại hội kết thúc vào hồi 11h00' cùng ngày.

Biên bản này đã được Thư ký Đại hội ghi lại đầy đủ, trung thực với thực tế diễn biến của Đại hội.

THƯ KÝ ĐOÀN



Nguyễn Đình Phước



Lê Anh Khôi



Nguyễn Cao Ký

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa;

Căn cứ Biên bản phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 19/04/2023 của Công ty Cổ phần Điện Lực Khánh Hòa.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty về hoạt động kinh doanh năm 2022 và kế hoạch năm 2023, trong đó có một số chỉ tiêu chính như sau:

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022 với các chỉ tiêu chính sau:

STT	Chỉ tiêu	Kết quả thực hiện năm 2022 (tỷ đồng)
1	Tổng doanh thu	5.208,179
2	Tổng chi phí	5.134,433
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	73,746
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp	14,733
5	Lợi nhuận sau thuế	59,013
6	Hoạt động đầu tư xây dựng	340,633

Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua với tỷ lệ 100%;

Điều 2. Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát về việc thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Công ty năm 2022.

Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua với tỷ lệ 100%;

Điều 3. Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022 của Công ty.

Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua với tỷ lệ 100%;



Điều 4. Thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận, cổ tức năm 2022 như sau:

ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thuyết minh	Thực hiện 2022
1	Vốn điều lệ	Đồng	(1.1)+(1.2)	604.059.670.000
1.1	Vốn điều lệ lưu hành	Đồng		589.059.670.000
1.2	Cổ phiếu quỹ	Đồng		15.000.000.000
2	Lợi nhuận để lại các năm trước	Đồng		46.976.450.008
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2022	Đồng		59.013.313.030
4	Quỹ khen thưởng-phúc lợi	Đồng	(4.1)+(4.2)	19.277.516.309
4.1	Quỹ khen thưởng CBCNV	Đồng		9.077.516.309
4.2	Quỹ phúc lợi	Đồng		10.200.000.000
5	Khen thưởng Người quản lý	Đồng		461.700.000
6	Lợi nhuận sau thuế năm 2022 còn lại sau khi phân chia các quỹ	Đồng	(3)-(4)-(5)	39.274.096.721
7	Lợi nhuận sau thuế lũy kế từ năm 2022 trở về trước	Đồng	(2)+(6)	86.250.546.729
8	Cổ tức 7,5% trên vốn điều lệ lưu hành	Đồng	(1.1)*7,5%	44.179.475.250
8.1	Đã chia đợt 1: 5% bằng tiền mặt	Đồng	(1.1)*5%	29.452.983.500
8.2	Chia đợt 2: 2,5% bằng tiền mặt	Đồng	(1.1)*2,5%	14.726.491.750
9	Lợi nhuận còn lại sau chia cổ tức	Đồng	(6)-(8)	42.071.071.479
9.1	Lợi nhuận năm 2022 còn lại sau chia cổ tức	Đồng	(6)-(8.1)	9.821.113.221
9.2	Lợi nhuận năm 2021 trở về trước còn lại sau chia cổ tức	Đồng	(2)-(8.2)	32.249.958.258

ĐHĐCĐ thông qua mức cổ tức năm 2022 là **7,5%** trên vốn điều lệ lưu hành. Trong đó bao gồm:

- Đã tạm ứng trả cổ tức đợt 1 bằng tiền mặt cho cổ đông với tỷ lệ **5%** từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối năm 2022.

- Chia cổ tức đợt 2 bằng tiền mặt cho cổ đông với tỷ lệ **2,5%** trên vốn điều lệ lưu hành từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối năm 2021 trở về trước.

Ủy quyền cho HĐQT Công ty thực hiện các thủ tục chốt danh sách cổ đông chia cổ tức đợt 2 bằng tiền mặt sau khi được ĐHĐCĐ năm 2023 thông qua.

Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua với tỷ lệ 100%;

Điều 5. Thông qua Phương án sử dụng cổ phiếu quỹ để chia cho cổ đông hiện hữu

Tên cổ phiếu	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa
Mã chứng khoán	KHP
Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông, không hạn chế chuyển nhượng

Mệnh giá cổ phiếu	10.000 đồng/cổ phiếu (mười nghìn đồng/cổ phiếu)
Tổng số cổ phiếu đã phát hành	60.405.967 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	58.905.967 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu quỹ	1.500.000 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu quỹ dự kiến được dùng để chia cho cổ đông	1.472.649 cổ phiếu
Tổng giá trị cổ phiếu quỹ dự kiến dùng theo mệnh giá	14.726.490.000 đồng
Tỷ lệ phân phối (số lượng cổ phiếu quỹ chia cho cổ đông/số lượng cổ phiếu đang lưu hành)	2,5% tổng số cổ phiếu đang lưu hành, tương đương với tỷ lệ thực hiện quyền 40:1. Tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện việc chia cổ phiếu quỹ cho cổ đông, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được nhận 01 quyền và cứ 40 quyền, cổ đông được nhận thêm 1 cổ phiếu.
Đối tượng phát hành	Cổ đông hiện hữu của Công ty theo danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền nhận chia cổ phiếu quỹ do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) cung cấp. (Không bao gồm cổ phiếu quỹ).
Hình thức phát hành	Chia cổ phiếu quỹ cho cổ đông hiện hữu
Nguồn vốn	Nguồn vốn thực hiện chia cổ phiếu quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty trên Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022.
Nguyên tắc xác định giá	Cổ phiếu quỹ được chia cho cổ đông hiện hữu từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, cổ đông không phải nộp tiền mua cổ phiếu
Hạn chế chuyển nhượng	Không hạn chế
Phương án xử lý cổ phiếu lẻ	Số lượng cổ phiếu quỹ chia cho cổ đông hiện hữu sẽ theo tỷ lệ phân phối quyền đối với từng cổ đông được tính theo số nguyên, phần thập phân sẽ không được làm tròn thành 01 cổ phiếu. Số cổ phần lẻ phát sinh (phần thập phân) (nếu có) không phân phối cho cổ đông và được giữ lại làm cổ phiếu quỹ. <i>Ví dụ: Cổ đông Nguyễn Văn A sở hữu 386 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách cổ đông. Với tỷ lệ thực hiện quyền 40:1, cổ đông Nguyễn Văn A sẽ được nhận thêm số cổ phiếu là $(386 \times 1)/40 = 9,65$ cổ phiếu. Như vậy, cổ đông A sẽ được nhận thêm số cổ phiếu là 09 cổ phiếu. Số cổ phiếu lẻ 0,65 cổ phiếu sẽ không phân phối cho cổ đông và được giữ lại làm cổ phiếu quỹ.</i>

42006
CÔNG
CỔ PH
ÊN I
ÁNH I
NG - T.

Số lượng cổ phiếu quỹ dự kiến còn lại sau khi chia cho cổ đông	27.351 cổ phiếu
Cổ phiếu lưu hành dự kiến sau khi chi cổ phiếu quỹ	60.378.616 cổ phiếu.
Thời gian thực hiện	Trong năm 2023, sau khi có ý kiến chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền và sau khi UBCKNN thông báo nhận được tài liệu báo cáo sử dụng cổ phiếu quỹ để chia cho cổ đông hiện hữu của Công ty.

• **Ủy quyền cho HĐQT và Tổng Giám đốc KHPC**

- Chủ động xây dựng và giải trình hồ sơ xin phép chia cổ phiếu từ nguồn cổ phiếu quỹ cho cổ đông gửi Ủy ban Chứng khoán nhà nước (UBCKNN) và các cơ quan có thẩm quyền khác. Đồng thời, chủ động điều chỉnh phương án phát hành và các hồ sơ khác có liên quan theo yêu cầu của UBCKNN và các cơ quan chức năng khác.
- Quyết định thời gian chốt danh sách cổ đông để thực hiện phương án chia cổ phiếu từ nguồn cổ phiếu quỹ cho cổ đông như trên và thay đổi thời gian thực hiện phù hợp với tình hình thực tế.
- Thực hiện các thủ tục đảm bảo việc chia cổ phiếu từ nguồn cổ phiếu quỹ cho cổ đông đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài đối với các ngành nghề mà Công ty đã đăng ký kinh doanh.
- Lựa chọn công ty chứng khoán làm đại lý thực hiện việc chia cổ phiếu quỹ cho cổ đông hiện hữu.
- Phê chuẩn, thông qua các tài liệu, thực hiện tất cả các nội dung, thủ tục có liên quan đến việc sử dụng cổ phiếu quỹ để chia cho cổ đông hiện hữu sau khi có ý kiến, hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền và các bên có liên quan theo quy định của pháp luật.

Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua với tỷ lệ 100%;

Điều 6. Thông qua việc thôi nhiệm thành viên BKS Công ty

Đại hội thông qua đơn của ông Phan Công Bình và ông Lê Hải Thuyết thôi tham gia thành viên BKS Công ty nhiệm kỳ 2020 – 2024 kể từ ngày 19/04/2023.

Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua với tỷ lệ 100%;

Điều 7. Thông qua việc sửa đổi một số ngành nghề đăng ký kinh doanh của Công ty

Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua việc sửa đổi một số ngành nghề đăng ký kinh doanh đã đăng ký của Công ty như sau:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết	Mã ngành	Ghi chú
1	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: <i>Khảo sát, thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 110KV, nhà máy điện cấp 4; Giám sát thi công xây dựng công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 110KV; Tư vấn lập dự án đầu tư, quản lý dự án nhà máy nhiệt điện nhỏ, đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến đến 110KV và các công trình viễn thông; Tư vấn thẩm tra dự án đầu tư công trình điện đến cấp điện áp 110KV; Tư vấn thiết kế hệ thống phòng cháy, chữa cháy; Tư vấn thiết kế hệ thống năng lượng tái tạo.</i>	7110	

Đại hội ủy quyền cho HĐQT hoặc Tổng Giám đốc Công ty thực hiện các thủ tục liên quan đến việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp sau khi được ĐHĐCĐ thông qua việc điều chỉnh nêu trên.

Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua với tỷ lệ 100%;

Điều 8. Thông qua việc sửa đổi Điều lệ Công ty

Đại hội thông qua việc sửa đổi các nội dung trong Điều lệ Công ty lần thứ 22 theo như Tờ trình số 68/TTr-KHPC ngày 29/03/2023 của HĐQT Công ty. Cụ thể:

- Sửa phần mở đầu: “Điều lệ này đã được sửa đổi, bổ sung và thông qua theo nghị quyết hợp lệ số 01/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 của Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa được tổ chức chính thức vào **ngày 19 tháng 04 năm 2023**”.

- Sửa khoản 1 Điều 4 về ngành nghề kinh doanh của Công ty:

+ Trước điều chỉnh: *Khảo sát, thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp cấp điện áp đến 110kV cấp 2, nhà máy điện cấp 4.*

+ Sau điều chỉnh: *Khảo sát, thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp cấp điện áp đến 110kV cấp-2, nhà máy điện cấp 4.*

- Sửa Khoản 1 Điều 60. Ngày hiệu lực: “1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 61 điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa nhất trí thông qua **ngày 19 tháng 04 năm 2023** tại tỉnh Khánh Hoà và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này”.

Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua với tỷ lệ 100%;

Điều 9. Thông qua việc sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty

Đại hội thông qua việc sửa đổi các nội dung trong Quy chế nội bộ về quản trị công ty theo như Tờ trình số 68/TTr-KHPC ngày 29/03/2023 của HĐQT Công ty. Cụ thể:

- Sửa khoản 1 Điều 44: Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty từ 4 năm thành 5 năm.

- Sửa khoản 1 Điều 48: Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc từ 4 năm thành 5 năm.

Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua với tỷ lệ 100%;

Điều 10. Thông qua kế hoạch kinh doanh của Công ty năm 2023

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2023	So với TH năm 2022
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	604,060	100%
4	Điện thương phẩm	Tr.KWh	2.537	104%
5	Tổng doanh thu (SXĐ và hoạt động khác)	Tỷ đồng	5.338,539	103%
6	Tổng chi phí (SXĐ và hoạt động khác)	Tỷ đồng	5.288,339	103%
7	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	50,200	68%

Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua với tỷ lệ 100%;

Điều 11. Thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận và dự kiến mức cổ tức năm 2023

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2023
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	604,060
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	50,200
3	Thuế TNDN	Tỷ đồng	11,044
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	39,156
5	Trích lập các Quỹ theo quy định (*)	Tỷ đồng	
6	Tỷ lệ cổ tức trên vốn điều lệ	%	6%

Ghi chú: (*) Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ khen thưởng Người quản lý, Kiểm soát viên theo Điều 8 Nghị định 53/2016 của Thủ tướng Chính phủ ngày 13/06/2016.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT Công ty quyết định tỷ lệ, thời điểm, nguồn chi trả, phương thức tạm ứng cổ tức và quyết định các thủ tục liên quan đến việc tạm ứng cổ tức năm 2023 căn cứ vào tình hình của Công ty.

Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua với tỷ lệ 100%;

Điều 12. Thông qua Báo cáo tiền lương, thù lao thành viên HĐQT, BKS, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng Công ty năm 2022, kế hoạch năm 2023**12.1. Thực hiện năm 2022**

- Tổng số thù lao HĐQT : 223,56 triệu đồng.
- Tiền lương Chủ tịch HĐQT : 437,40 triệu đồng.
- Tổng số thù lao BKS : 149,04 triệu đồng.
- Tiền lương Trưởng BKS : 388,80 triệu đồng.
- Tiền lương Ban TGD, KTT : 1.879,20 triệu đồng.

Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua với tỷ lệ 100%;

❖ Bổ sung tiền lương, thù lao, tiền thưởng của HĐQT, BKS, Ban TGD và KTT năm 2022:

Đại hội thông qua việc Công ty trích bổ sung 20% tiền lương và thù lao cho HĐQT, BKS, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng năm 2022 như sau:

- TL của Chủ tịch HĐQT, Trưởng BKS, Ban TGD và KTT: 541,08 triệu đồng.

- Thù lao của thành viên HĐQT, BKS : 74,52 triệu đồng.
Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua với tỷ lệ 100%;

12.2. Mức tiền lương, thù lao năm 2023:

TT	Chức danh	Tiền lương tháng	Thù lao tháng	Số người
I	Hội đồng quản trị			
1	Chủ tịch HĐQT	36,45		1
2	Thành viên HĐQT kiêm TGD (*)			1
3	Thành viên HĐQT (không chuyên trách)		6,21	3
II	Ban kiểm soát			
1	Trưởng BKS	32,4		1
2	Thành viên BKS		6,21	2

Ghi chú: (*) Thành viên HĐQT kiêm TGD không có thù lao thành viên HĐQT, chỉ có tiền lương TGD.

Mức tiền lương trên đã áp dụng hệ số điều chỉnh tăng 0,35 lần so với mức lương cơ bản theo Quyết định số 135/QĐ-EVN ngày 31/10/2021 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Thù lao của thành viên HĐQT, BKS bằng 20% tiền lương của thành viên HĐQT chuyên trách, thành viên BKS chuyên trách, tăng/giảm tương ứng với mức tăng/giảm tiền lương của thành viên HĐQT chuyên trách, thành viên BKS chuyên trách.

Căn cứ kết quả hoạt động SXKD năm 2023, Công ty sẽ thực hiện việc quyết toán tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty theo Nghị định 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ, Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ lao động và TBXH và Quyết định số 135/QĐ-EVN ngày 30/10/2021 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua với tỷ lệ 100%;

Điều 13. Thông qua việc lựa chọn danh sách các công ty kiểm toán cho năm 2023

Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách và ủy quyền cho HĐQT Công ty lựa chọn 01 công ty kiểm toán trong 03 công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết, theo danh sách đề nghị của Ban Kiểm soát để kiểm toán Báo cáo tài chính bán niên và cả năm 2023 cho Công ty, bao gồm:

- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.
 - Công ty TNHH Grant Thornton (Việt Nam).
 - Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA Việt Nam
- Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua với tỷ lệ 100%;

Điều 14. Kết quả bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2020 – 2024

Căn cứ Biên bản kiểm phiếu bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2020 – 2024 tại ĐHĐCĐ thường niên 2023. Các ông/bà đã trúng cử thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020 – 2024 như sau:

- Ông Nguyễn Hữu Minh với số phiếu bầu là 32.903.169 quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 100,16%.
- Bà Huỳnh Thị Kim Hoàng với số phiếu bầu là 32.798.615 quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 99,84%.

Điều 15. Nghị quyết này đã được thông qua toàn văn với tỷ lệ biểu quyết thống nhất 100% và có hiệu lực kể từ khi kết thúc Đại hội. Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền cho Hội đồng quản trị Công ty cụ thể hoá thành kế hoạch, nhiệm vụ để chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết./.

Nơi nhận:

- Cổ đông Công ty;
- UBCKNN, SGDCK TPHCM;
- HĐQT, BKS, TGD Công ty;
- Lưu: VT, TKCT, TỔ TH.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**

CHỦ TỌA



Nguyễn Cao Kỳ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HOÀ
(SỬA ĐỔI LẦN THỨ 22)

Nha Trang, tháng 04 năm 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HOÀ
(SỬA ĐỔI LẦN THỨ 22)

Nha Trang, ngày 19 tháng 04 năm 2023

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	5
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	5
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	6
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.....	6
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	7
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	7
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	8
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	8
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	8
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	9
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	9
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	9
Điều 10. Thu hồi cổ phần.....	10
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	10
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	10
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	11
Điều 12. Quyền của cổ đông.....	11
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông.....	12
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 17. Thay đổi các quyền	16
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 19. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua.	21
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	23
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	24
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	24
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	24
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	25
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	25
Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	27
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	27
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	28
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	30
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty	30
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	31
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý.....	31
Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp	31
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	31
IX. BAN KIỂM SOÁT.....	32
Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)	32



Điều 37. Ban Kiểm soát.....	33
Điều 38. Trưởng Ban Kiểm soát.....	33
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	34
Điều 40. Cuộc họp của Ban Kiểm soát.....	34
Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.....	35
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	35
Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	35
Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	36
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	36
Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	36
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	37
Điều 45. Công nhân viên và công đoàn.....	37
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	37
Điều 46. Phân phối lợi nhuận.....	37
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	38
Điều 47. Tài khoản ngân hàng.....	38
Điều 48. Phân bổ các quỹ của Công ty.....	38
Điều 49. Năm tài chính.....	38
Điều 50. Chế độ kế toán.....	39
XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG.....	39
Điều 51. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý.....	39
Điều 52. Báo cáo thường niên.....	39
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	39
Điều 53. Kiểm toán.....	39
XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP.....	40
Điều 54. Dấu của doanh nghiệp.....	40
XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY.....	40
Điều 55. Giải thể Công ty.....	40
Điều 56. Gia hạn hoạt động.....	40
Điều 57. Thanh lý.....	40
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	41
Điều 58. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	41
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	41
Điều 59. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.....	41
XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....	41
Điều 60. Ngày hiệu lực.....	41
Điều 61. Chữ ký của người đại diện theo pháp luật và con dấu của Công ty.....	42

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này đã được sửa đổi, bổ sung và thông qua theo nghị quyết hợp lệ số 01/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 của Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa được tổ chức chính thức vào ngày 19 tháng 04 năm 2023.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
 - a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và được quy định tại Điều 6 về “Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập” của Điều lệ này;
 - b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
 - d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - đ) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
 - e) *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác;
 - g) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác;
 - h) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán;
 - i) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
 - k) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
 - l) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật chứng khoán;
 - m) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
 - n) Việt Nam là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
 - o) “*Công ty* là Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa;
 - p) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.
 - q) *Người có quan hệ gia đình* bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột,

2020
CỔ
ĐIỆN
KH
1 TRANG

chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên tiếng Việt : Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa
- Tên tiếng Anh: Khanh Hoa Power Joint-Stock Company
- Tên giao dịch : Khanh Hoa Power Joint-Stock Company
- Tên viết tắt : KHPC

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 11 – đường Lý Thánh Tôn – phường Vạn Thạnh - TP Nha Trang - Khánh Hoà
- Điện thoại : 0258.2220.220
- Fax : 0258.3823.828
- Website : <https://pckhanhhoa.cpc.vn>
- Email: pckhanhhoa@cpc.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép;

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại Khoản 2 Điều 55 về “Giải thể công ty” hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 56 về “Gia hạn hoạt động” của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có 01 (một) người đại diện theo pháp luật là Tổng giám đốc.

2. Quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật thực hiện theo quy định của Điều 12 và Điều 13 Luật doanh nghiệp.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là

- Sản xuất và kinh doanh điện năng; Xây dựng, lắp đặt, quản lý, vận hành và sửa chữa các nhà máy thủy điện, nhiệt điện nhỏ, các nhà máy điện diesel, máy phát điện diesel;
- Quản lý, vận hành lưới điện phân phối có cấp điện áp đến 110 kV;
- Tư vấn lập dự án đầu tư, quản lý dự án nhà máy nhiệt điện nhỏ, đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 110 kV và các công trình viễn thông;
- Tư vấn giám sát thi công các công trình dân dụng, công trình công nghiệp và công trình hạ tầng kỹ thuật;
- Gia công chế tạo các sản phẩm cơ khí;
- Thí nghiệm thiết bị điện đến cấp điện áp 110kV;
- Kiểm định công tơ điện;
- Xây lắp các công trình điện, lưới và trạm điện có cấp điện áp đến 110 kV, các công trình viễn thông công cộng, công trình công nghiệp và dân dụng;
- Kinh doanh các sản phẩm bê tông ly tâm;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị điện; kinh doanh thiết bị viễn thông; kinh doanh thương mại, dịch vụ khách sạn, thiết bị và phần mềm máy vi tính, bất động sản. Vận chuyển hàng hoá;
- Khảo sát, thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp cấp điện áp đến 110kV, nhà máy điện cấp 4; Thí nghiệm điện;
- Kinh doanh các dịch vụ: viễn thông công cộng và Internet; truyền thông; cho thuê văn phòng;
- Đại lý bán hàng vật tư, thiết bị điện;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và các dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- Lập trình máy vi tính;
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (chi tiết: Giám sát thi công xây dựng công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 110kV. Tư vấn thẩm tra dự án đầu tư công trình điện đến cấp điện áp 110kV)
- Kiểm định máy móc thiết bị điện;
- Cho thuê máy móc, thiết bị điện;

1106
 TY
 AN
 LU
 HO
 T.KH

- Cho thuê máy móc thiết bị xây dựng;
- Sản xuất thùng công tơ, hộp chia dây, tủ điện,... bằng vật liệu composite; Sản xuất đèn chỉ thị sự cố; Sản xuất thiết bị đóng cắt;
- Kiểm định an toàn kỹ thuật các thiết bị, dụng cụ điện;
- Tư vấn thiết kế, thi công lắp đặt và sửa chữa hệ thống phòng cháy chữa cháy.
- Tư vấn thiết kế, thi công, lắp đặt và sửa chữa hệ thống năng lượng tái tạo.
- Quản lý vận hành, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng các nhà máy điện sử dụng năng lượng tái tạo (điện mặt trời và điện gió).
- Bảo dưỡng và vận hành các thiết bị viễn thông: thiết bị truyền dẫn SDH, thiết bị chuyển đổi giao diện kênh truyền (E1/FO, E1/FE, ...).
- Bảo dưỡng và vận hành tuyến cáp quang (kiểm tra định kỳ, thi công và hàn nối cáp quang, ...).
- Bảo dưỡng và vận hành thiết bị công nghệ thông tin: server, firewall, router, switch, mạng LAN, ...

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là: Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển sản xuất kinh doanh về lĩnh vực điện và các lĩnh vực khác góp phần phát triển kinh tế, kinh doanh đạt hiệu quả, hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách cho Nhà nước, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho các cổ đông.

Những mục tiêu nào cần phải có sự chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước thì Công ty chỉ có thể được triển khai thực hiện sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là **604.059.670.000 đồng** (Sáu trăm lẻ bốn tỷ, không trăm năm mươi chín triệu, sáu trăm bảy mươi ngàn đồng chẵn).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành **60.405.967 cổ phần** với mệnh giá là 10.000 đồng/một cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục Danh sách cổ đông sáng lập đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành, cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn hai tháng kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), được phát hành có dấu và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng



khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chào bán chưa được thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

- a. Đại hội đồng cổ đông;
- b. Hội đồng quản trị;
- c. Ban kiểm soát;
- d. Tổng giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

d) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty.

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định Điều 132 của Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của

cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quy định tương ứng tại khoản 2 Điều 25 về “Ứng cử, đề cử Thành viên Hội đồng quản trị và khoản 2 Điều 36 về “Ứng cử, đề cử Thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) Điều lệ này. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

3. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

4. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu

đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại Điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm c và Điểm d Khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.
- e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- g) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- h) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- i) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- k) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

l) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

m) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

n) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

o) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;

m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

q) Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

r) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

s) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

t) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

u) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

v) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình

thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Cung cấp tên đăng nhập và mật khẩu truy cập tương ứng để cổ đông và người đại diện theo ủy quyền (nếu có) truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, tham dự và thực hiện quyền biểu quyết, bầu cử trong trường hợp Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử.

h) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch

chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nêu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết Đại hội đồng cổ đông theo một trong các trường hợp sau đây:

- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- Ủy quyền cho cá nhân hoặc tổ chức khác dự họp Đại hội đồng cổ đông;
- Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Điều 20. Thê thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Một phiếu biểu quyết trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó, trên phiếu biểu quyết có nêu từng nội dung biểu quyết cần thông qua tại Đại hội với ba (03) sự lựa chọn: tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Tại Đại hội, việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Nội dung biểu quyết được cổ đông lựa chọn phương án tán thành hoặc không tán thành hoặc không có ý kiến tương ứng vào từng nội dung đã biểu quyết trên phiếu biểu quyết và được Ban kiểm phiếu thu về để tổng hợp kết quả. Kết quả kiểm phiếu theo phiếu biểu quyết của từng vấn đề trong nội dung chương trình Đại hội được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa.

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

Đ
KI
TR

- c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
- d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

- a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Nội dung biểu quyết được cổ đông lựa chọn phương án tán thành hoặc không tán thành hoặc không có ý kiến tương ứng vào từng nội dung đã biểu quyết trên phiếu biểu quyết và được Ban kiểm phiếu thu về để tổng hợp kết quả. Kết quả kiểm phiếu theo phiếu biểu quyết của từng vấn đề trong nội dung chương trình Đại hội được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

- a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
- b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với

quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua.

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp;

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 15 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này;

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích lấy ý kiến;

A2C
 ON
 OF
 EN
 IN
 G.

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết ;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu; Việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty;

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được Nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ Nghị quyết hoặc một phần nội dung Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này;

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

đ) Các lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty; (nếu có);

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty.

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Cụ thể: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc,

3. Cơ cấu Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị có tối thiểu 01 thành viên độc lập.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác, đồng thời quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên



hoặc Đại hội đồng cổ đông, tham gia Hội đồng quản trị, tham gia Ban kiểm soát, làm Tổng giám đốc, Giám đốc ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác mà Công ty chi trả cho những người đó;

c) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

đ) Kiến nghị Đại hội đồng cổ đông về các loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

e) Quyết định giá bán trái phiếu, cổ phần của Công ty;

g) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

h) Kiến nghị Đại hội đồng cổ đông về mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn, thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

i) Kiến nghị Đại hội đồng cổ đông về việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản Công ty;

k) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

l) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

m) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

n) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

o) Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

p) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật.

q) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán,

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau:

a. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác bao gồm các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Người phụ trách quản trị công ty không là thành viên HĐQT, thành viên BKS;

b. Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

c. Có đề nghị của Ban kiểm soát.

d. Có đề nghị của thành viên độc lập Hội đồng quản trị.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp.

b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua thiết bị di động hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là tham gia tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các Nghị quyết được thông qua dưới hình thức họp trên điện thoại, hội nghị trực tuyến được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay sau khi kết thúc

006
NG
PH
VI
VH
T.K

cuộc họp nhưng phải khẳng định bằng chữ ký trong biên bản của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị xác nhận qua hòm thư điện tử mà thành viên đã đăng ký với Công ty.

13. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có một Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, một Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

3. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Tổng giám đốc có những quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế (không kể biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp thành viên Hội đồng quản trị này kiêm Tổng Giám đốc).

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng viên Ban kiểm soát tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ. Các lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty (nếu có);
- e. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty.

g. Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Cụ thể: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu

thêm ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát là năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

- a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

4. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận.

c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

c. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

d. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.

Điều 38. Trưởng Ban Kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;



c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 40. Cuộc họp của Ban Kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người

ĐI
KH
TRAI

quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị trên 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên..

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 48. Phân bổ các quỹ của Công ty

Hàng năm, Công ty sẽ trích từ lợi nhuận sau thuế vào các quỹ của Công ty như sau:

1. Trích lập Quỹ đầu tư phát triển của Công ty từ lợi nhuận sau thuế theo đề xuất của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt hàng năm.

2. Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của người lao động và quỹ thưởng của người quản lý Công ty theo Điều 8 Nghị định 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.

3. Các Quỹ khác theo quy định của Công ty và pháp luật.

Điều 49. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày

cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 50. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 51. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 52. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán, thị trường chứng khoán và pháp luật có liên quan.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 53. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

36
 G
 L
 H
 H

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 54. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty.
3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 55. Giải thể Công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a. Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ của Công ty mà không có quyết định gia hạn;
 - b. Giải thể theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác.
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 56. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 7 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 57. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c. Nợ thuế;
- d. Các khoản nợ khác của Công ty;
- e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 58. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

- a. Cổ đông với Công ty;
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác,

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng hai mươi (20) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Hội đồng quản trị chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian chủ trì cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp kết quả giải quyết tranh chấp không được các bên chấp thuận, thì bất kỳ bên nào cũng có quyền đưa ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền để giải quyết.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 59. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có những quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 60. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 61 điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa nhất trí thông qua ngày 19 tháng 04 năm 2023 tại tỉnh Khánh Hòa và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 02 bản, có giá trị như nhau và lưu trữ tại Công ty.

3. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai tổng số thành viên Hội đồng quản trị hoặc người đại diện theo pháp luật mới có giá trị.

Điều 61. Chữ ký của người đại diện theo pháp luật và con dấu của Công ty

- Chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Ông Nguyễn Hải Đức



Tổng Giám đốc Công ty 



- Con dấu của Công ty



**XÁC NHẬN CỦA
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Nguyễn Cao Kỳ

PHỤ LỤC
DANH SÁCH CỔ ĐỒNG SÁNG LẬP
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HOÀ

STT	Họ Và Tên	Địa chỉ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ cổ phần
1	Tổng công ty Điện lực Miền Trung	78A Duy Tân, phường Hòa Thuận Đông, Quận Hải Châu – Đà Nẵng	31.493.530	52,14%
2	Bùi Quang Hùng	53A - Yersin - Nha Trang- Khánh Hoà	0	0%
3	Cao Thành Đức	55 - Cao Bá Quát - Nha Trang - Khánh Hoà	8	0,00001%
4	Cao Thụy	9A - Lê Thánh Tôn - Nha Trang - Khánh Hoà	972	0,002%



**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 90/QĐ-KHPC

Khánh Hòa, ngày 19 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty
của Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa**

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/04/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 của Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa.

Điều 2. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ĐHĐCĐ thường niên 2023 tổ chức vào ngày 19/04/2023 thông qua và thay thế cho Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa ban hành kèm theo quyết định số 92/QĐ-ĐLKH ngày 07/04/2022 của Hội đồng quản trị Công ty.

Điều 3. Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc Công ty, các phòng ban và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS;
- Ban TGD;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, TKCT, TTH.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Cao Kỳ

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 90/QĐ-KHPC ngày 19 tháng 04 năm 2023 của
Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Cơ sở pháp lý và Tài liệu viện dẫn

1. Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

2. Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;

3. Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

4. Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

5. Điều lệ Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa sửa đổi lần thứ 22, được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua ngày 19/04/2023.

Điều 3. Định nghĩa thuật ngữ và chữ viết tắt

Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “*Quản trị công ty*” là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công ty. Các nguyên tắc quản trị công ty bao gồm:

- Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;
- Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
- Công khai, minh bạch mọi hoạt động của Công ty;
- Đảm bảo hiệu quả hoạt động Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

2. “Công ty” là Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa (niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh);

3. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng khoán;

4. “Cổ đông lớn” là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật chứng khoán;

5. “Cổ đông nội bộ” là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Thư ký Công ty, người phụ trách quản trị công ty và người được ủy quyền công bố thông tin;

6. “Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành” là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty;

7. “Thành viên độc lập Hội đồng quản trị” là thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp.

8. “HĐQT” là Hội đồng quản trị;

9. “ĐHĐCĐ” là Đại hội đồng cổ đông;

10. “BKS” là Ban kiểm soát;

11. “KSV” là kiểm soát viên;

12. “Đại biểu” là Cổ đông, người đại diện (người được cổ đông ủy quyền).

13. Người điều hành doanh nghiệp là người theo quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều 1 Điều lệ Công ty.

14. Người phụ trách quản trị công ty là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

15. Người quản lý doanh nghiệp là người theo quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 1 Điều lệ Công ty.

16. Người có quan hệ gia đình bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.

Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó. Các tiêu đề (chương, điều của Quy chế) được đưa vào để thuận tiện cho việc theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa, nội dung của Quy chế.

Chương II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 4. Đại hội đồng cổ đông

1. Vai trò của Đại hội đồng cổ đông.

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

b. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông:

Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 15 Điều lệ Công ty.

Điều 5. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. HĐQT là người tổ chức triệu tập ĐHĐCĐ thường niên và bất thường theo quy định của pháp luật và khoản 2, khoản 3 và điểm a khoản 4 Điều 14 Điều lệ Công ty;

2. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 14 Điều lệ Công ty thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

3. Trường hợp BKS không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 2, Điều 5 quy chế này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của ĐHĐCĐ;

4. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp ĐHĐCĐ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự ĐHĐCĐ, kể cả chi phí ăn ở đi lại.

Điều 6. Nhiệm vụ của người triệu tập Đại hội đồng cổ đông

Người triệu tập ĐHĐCĐ phải thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại khoản 2 Điều 18 Điều lệ Công ty.

Điều 7. Trình tự triệu tập Đại hội đồng cổ đông

Quy định về việc triệu tập ĐHĐCĐ, chương trình họp và thông báo mời họp ĐHĐCĐ được quy định tại Điều 18 của Điều lệ Công ty, cụ thể trình tự các bước chuẩn bị họp ĐHĐCĐ như sau:

1. Công tác chuẩn bị họp ĐHĐCĐ

a. Người triệu tập ĐHĐCĐ phải lên chương trình họp, ngày tổ chức ĐHĐCĐ, địa điểm tổ chức họp ĐHĐCĐ, các tài liệu theo quy định và các vấn đề khác phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty. Các vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ phải phù hợp với thẩm quyền ĐHĐCĐ được quy định tại Điều 15 Điều lệ Công ty;

Tài liệu ĐHĐCĐ cơ bản bao gồm:

- Thư mời họp ĐHĐCĐ;
- Chương trình làm việc của ĐHĐCĐ;
- Quy chế làm việc của ĐHĐCĐ;
- Giấy ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ theo mẫu của Công ty hoặc được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền, Giấy xác nhận tham dự ĐHĐCĐ;

- Các văn bản (báo cáo, tờ trình) báo cáo tại ĐHĐCĐ;
- Quy chế đề cử, ứng cử thành viên HĐQT, BKS;
- Thông báo đề cử, ứng cử thành viên HĐQT, BKS;
- Mẫu đơn đề cử, ứng cử thành viên HĐQT;
- Mẫu đơn đề cử, ứng cử thành viên BKS;
- Mẫu sơ yếu lý lịch thành viên HĐQT, BKS;
- Thẻ biểu quyết;
- Phiếu biểu quyết;
- Phiếu bầu cử HĐQT, BKS;
- Quy chế bầu cử HĐQT, BKS;
- Dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ;

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được nêu tại Khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

❖ Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 7 quy chế này trong các trường hợp theo quy định tại khoản 5 Điều 18 Điều lệ Công ty.

❖ Kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được ĐHĐCĐ chấp thuận.

c. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

H. K. 4 1/2011

2. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ

Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Nội dung công bố thông tin này phải được công bố cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty.

3. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

a. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập dựa trên Danh sách người sở hữu chứng khoán lưu ký được phân bổ quyền bỏ phiếu do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp theo yêu cầu của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ;

b. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

c. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 12 Điều lệ Công ty. Người quản lý công ty phải cung cấp kịp thời thông tin sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; đồng thời chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu.

4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

a. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông hoặc người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông; thời gian và địa điểm họp, cách thức đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ.

b. Thông báo họp ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty.

c. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

5. Việc ủy quyền cho người đại diện tham dự họp ĐHĐCĐ được quy định và thực hiện theo Điều 16 Điều lệ Công ty.

Điều 8. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ

1. Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ được quy định rõ tại Thông báo họp ĐHĐCĐ, bao gồm liên hệ Công ty hoặc gửi Giấy đăng ký tham dự Đại hội

(được đính kèm Thông báo họp ĐHĐCĐ gửi cho cổ đông) về Công ty;

2. Cổ đông chọn hình thức đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm:

- Đăng ký dự họp;

- Ủy quyền đại diện tham dự ĐHĐCĐ theo mẫu của Công ty hoặc được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền (Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện);

- Các hình thức đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ khác phù hợp với quy định của Pháp luật.

Công ty phải cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham gia vào các cuộc họp ĐHĐCĐ một cách tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông bỏ phiếu từ xa, biểu quyết thông qua họp ĐHĐCĐ trực tuyến.

Điều 9. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ và kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức ĐHĐCĐ

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. Cổ đông đến tham dự ĐHĐCĐ phải mang theo Giấy tờ được quy định tại Thông báo họp ĐHĐCĐ để xác nhận tư cách Đại biểu;

Việc đăng ký được thực hiện tại địa điểm diễn ra cuộc họp ĐHĐCĐ.

2. Khi tiến hành đăng ký tham dự, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông (gọi tắt là đại biểu) một thẻ biểu quyết và phiếu biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông hoặc họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó;

3. Đại biểu đến dự ĐHĐCĐ sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại ĐHĐCĐ ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng ĐHĐCĐ để cho đại biểu đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Việc kiểm tra tư cách đại biểu tham dự ĐHĐCĐ được Ban kiểm tra tư cách cổ đông thực hiện. Ban kiểm tra tư cách cổ đông do Ban tổ chức đại hội quyết định để thực hiện các chức năng và nhiệm vụ sau:

a. Kiểm tra tư cách cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến dự họp: yêu cầu cổ đông tham dự Đại hội xuất trình CMND hoặc hộ chiếu, Giấy ủy quyền (đối với đại diện được ủy quyền);

b. Phát cho cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến dự họp: Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết/Phiếu bầu cử thành viên HĐQT/BKS và các tài liệu họp liên quan khác;

c. Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự họp Đại hội tại các thời điểm sau:

- Trước khi khai mạc Đại hội;

- Trước mỗi lần biểu quyết của Đại hội nếu có sự thay đổi về số cổ đông đăng ký tham dự Đại hội (Cổ đông đến muộn đăng ký dự họp).

Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.

Điều 10. Các điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đáp ứng điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 19 Điều lệ Công ty

2. Nếu tỷ lệ đại biểu tham dự đáp ứng điều kiện tiến hành họp tại khoản 1 Điều 10 quy chế này, Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ tuyên bố khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ. Ngược lại, Chủ tọa cuộc họp tuyên bố không tiến hành ĐHĐCĐ do không đạt tỷ lệ tham dự và Công ty sẽ tiến hành các thủ tục triệu tập lại ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 19 Điều lệ Công ty.

3. Ngôn ngữ chính thức sử dụng trong cuộc họp ĐHĐCĐ là tiếng Việt. Nếu Chủ tọa không chỉ định phiên dịch chung cho cuộc họp ĐHĐCĐ thì cổ đông là người nước ngoài có quyền dẫn theo phiên dịch khi tham dự ĐHĐCĐ, tuy nhiên phải thông báo trước cho Ban Tổ chức ĐHĐCĐ được biết khi đăng ký tham dự họp để được sắp xếp chỗ ngồi cho người phiên dịch.

Điều 11. Chủ tọa, Thư ký và Ban kiểm phiếu của cuộc họp ĐHĐCĐ

1. Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên HĐQT khác làm chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ do HĐQT triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp ĐHĐCĐ điều khiển ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

2. Chủ tọa cử một (01) hoặc một số người làm thư ký lập biên bản họp ĐHĐCĐ;

3. ĐHĐCĐ bầu một hoặc một số người vào Ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp. Ban kiểm phiếu có quyền và nghĩa vụ như sau:

- Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ hướng dẫn thể lệ biểu quyết, thể lệ bầu cử thành viên HĐQT, BKS (nếu có) và tiến hành kiểm phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử;

- Trưởng Ban kiểm phiếu có trách nhiệm báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm phiếu biểu quyết/kết quả bầu cử;

- Ban kiểm phiếu có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.

- Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của kết quả kiểm phiếu/kết quả bầu cử đã công bố.

Điều 12. Cách thức biểu quyết thông qua các nội dung tại Đại hội

1. Thẻ biểu quyết

- Thẻ biểu quyết được đóng dấu treo của Công ty, trên đó có ghi mã số cổ đông;
- Thẻ biểu quyết được phát cho các cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự ĐHĐCĐ và được sử dụng để biểu quyết các nội dung cần thông qua tại ĐHĐCĐ như: Quy chế tổ chức và hoạt động của ĐHĐCĐ, chương trình ĐHĐCĐ, Ban kiểm phiếu, Quy chế bầu cử, biên bản và nghị quyết ĐHĐCĐ.

2. Phiếu biểu quyết

- Phiếu biểu quyết được đóng dấu treo của Công ty, trên đó có ghi mã số cổ đông, họ và tên, CMND/Hộ chiếu/GCNĐKKD của cổ đông/đại diện được ủy quyền và tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông;
- Phiếu biểu quyết được phát cho các cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự đại hội. Trên phiếu biểu quyết có nêu từng nội dung biểu quyết cần thông qua tại Đại hội với ba (03) sự lựa chọn: Tán thành, Không tán thành và Không có ý kiến.

3. Thẻ thức biểu quyết thông qua các quyết định tại ĐHĐCĐ

Việc biểu quyết các vấn đề tại ĐHĐCĐ được thực hiện theo hình thức biểu quyết trực tiếp dưới đây:

a. Tại Đại hội, việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Nội dung biểu quyết được cổ đông lựa chọn phương án tán thành hoặc không tán thành hoặc không có ý kiến tương ứng vào từng nội dung đã biểu quyết trên phiếu biểu quyết và được Ban kiểm phiếu thu về để tổng hợp kết quả. Các nội dung biểu quyết được ghi trên phiếu biểu quyết sẽ được cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông biểu quyết bằng việc đánh dấu (X) vào vị trí phương án lựa chọn: Tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

b. Các phiếu biểu quyết/nội dung biểu quyết không hợp lệ sẽ không được tính bao gồm:

- Phiếu không theo mẫu do Ban kiểm phiếu phát ra và không có dấu của Công ty;

- Phiếu bị gạch, tẩy xóa, sửa chữa;

- Phiếu ghi thêm các thông tin khác, thêm ký hiệu;

- Phiếu không có chữ ký và họ tên của cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông;

- Nội dung biểu quyết không đánh dấu vào phương án biểu quyết nào hoặc đánh dấu vào 2 phương án biểu quyết khác nhau trở lên trong cùng một nội dung biểu quyết;

c. Việc biểu quyết đối với từng nội dung cần thông qua trong phiếu biểu quyết là độc lập với nhau và tính hợp lệ của phần biểu quyết nội dung này không ảnh hưởng đến tính hợp lệ của các nội dung biểu quyết khác;

d. Ban kiểm phiếu sẽ thu phiếu biểu quyết sau khi ĐHĐCĐ biểu quyết xong tất cả các nội dung cần biểu quyết để kiểm phiếu và báo cáo kết quả cho ĐHĐCĐ;

e. Trường hợp cổ đông không nộp lại phiếu biểu quyết cho Ban kiểm phiếu để tổng hợp kết quả thì xem như cổ đông đó không tham gia biểu quyết tại Đại hội. Kết quả biểu quyết được tính dựa trên tổng số cổ đông tham gia biểu quyết.

4. Cách thức kiểm phiếu

Việc kiểm phiếu và tổng hợp kết quả do Ban kiểm phiếu thực hiện hoặc do bộ phận giúp việc cho Ban kiểm phiếu thực hiện dưới sự giám sát của các thành viên Ban kiểm phiếu.

5. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Sau khi thực hiện kiểm phiếu xong, Ban kiểm phiếu sẽ lập Biên bản kiểm phiếu có đầy đủ chữ ký của các thành viên trong Ban kiểm phiếu. Chủ tọa sẽ báo cáo kết quả kiểm phiếu trước Đại hội bao gồm các nội dung:

- Tổng số cổ phần của Công ty và tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;
- Tổng số cổ đông của Công ty. Tổng số cổ đông tham dự Đại hội, tổng số cổ phần sở hữu và đại diện.
- Tổng số phiếu biểu quyết phát ra, thu vào và số phiếu hợp lệ, không hợp lệ.
- Kết quả của từng nội dung biểu quyết tại đại hội bao gồm số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến cùng với số lượng và tỷ lệ cổ phần biểu quyết của từng nội dung.

Biên bản kiểm phiếu sẽ được lưu giữ trong hồ sơ tổ chức ĐHĐCĐ của Công ty.

Điều 13. Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ

Điều kiện để Nghị quyết/quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua được quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty.

Điều 14. Lập biên bản và nghị quyết ĐHĐCĐ

Nghị quyết, Biên bản họp ĐHĐCĐ được lập theo quy định tại Điều 23 Điều lệ Công ty.

Điều 15. Công bố Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ ra công chúng

Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

Điều 16. Cách thức phản đối quyết định của ĐHĐCĐ

Các thức phản đối nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại Điều 24 Điều lệ Công ty.

Điều 17. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ

1. Thẩm quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

Thẩm quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 22 Điều lệ Công ty.

2. Nội dung của phiếu lấy ý kiến

Nội dung của phiếu lấy ý kiến được quy định tại khoản 3 Điều 22 Điều lệ Công ty.

3. Quy trình lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

- a. Thông báo về việc chốt danh sách và lập danh sách cổ đông lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện như khoản 2 và khoản 3 Điều 7 của Quy chế này
 - b. Gửi và nhận phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
- ❖ Cách thức gửi thông báo và phiếu lấy ý kiến cổ đông

Thông báo và phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức đảm bảo, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty.

Yêu cầu và cách thức gửi thông báo, phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty.

Các tài liệu liên quan đến nội dung lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty. Thông báo lấy ý kiến phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và Công ty phải gửi tài liệu cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.

- ❖ Cách thức cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến

Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định tại khoản 4 Điều 22 Điều lệ Công ty.

- c. Tổng hợp ý kiến

Việc tổng hợp ý kiến cổ đông được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 22 Điều lệ Công ty.

4. Các trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản

Các vấn đề sau đây không được thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

- a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;
- b) Định hướng phát triển Công ty;
- c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT và BKS;
- đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn do Điều lệ Công ty quy định;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Tổ chức lại, giải thể Công ty.

5. Công bố Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết

Việc công bố biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết của ĐHĐCĐ theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được thực hiện theo quy định tại khoản 6, khoản 7 và khoản 8 Điều 22 Điều lệ Công ty.

Điều 18. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến.

Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến bao gồm các nội dung sau:

a) Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Trường hợp Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức hội nghị trực tuyến và/hoặc bỏ phiếu điện tử, thông báo mời họp phải quy định rõ cách thức đăng ký và tham dự họp trực tuyến, cung cấp tên đăng nhập và mật khẩu truy cập tương ứng để cổ đông và người đại diện theo ủy quyền (nếu có) truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận.

b) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Trường hợp họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến, cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền (nếu có) tham dự họp thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến để thực hiện đăng ký tham dự họp. Công ty sẽ cấp cho mỗi cổ đông một (01) tên đăng nhập kèm mật khẩu tương ứng để truy cập vào hệ thống nêu trên. Hướng dẫn cụ thể sẽ được ghi trong thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông và Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông.

c) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được thực hiện theo quy định tại Điều 16 Điều lệ Công ty và hướng dẫn cụ thể trong thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông và Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông.

d) Điều kiện tiến hành

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi đáp ứng các quy định tại Điều 19 Điều lệ Công ty và Điều 10 của Quy chế này.

đ) Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Hình thức biểu quyết thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến thực hiện theo quy định tại Điều 20 Điều lệ Công ty.

e) Cách thức bỏ phiếu trực tuyến

Cách thức bỏ phiếu trực tuyến sẽ được quy định chi tiết trong Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến của mỗi cuộc họp.

g) Cách thức kiểm phiếu trực tuyến

Khi cổ đông thực hiện biểu quyết, bầu cử trực tuyến, số phiếu bầu của mỗi ứng viên đều được ghi nhận trên hệ thống tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến theo: số thẻ tán thành, số thẻ không tán thành và số thẻ không có ý kiến. Trong trường hợp phát sinh các nội dung ngoài chương trình đại hội đã gửi cho cổ đông, cổ đông có thể biểu quyết, bầu bổ sung. Nếu cổ đông không biểu quyết, bầu cử với những nội dung phát sinh thì phiếu biểu quyết, bầu cử của cổ đông được xem như không có ý kiến đối với những nội dung này.

Cổ đông có thể thay đổi kết quả biểu quyết, bầu cử; biểu quyết, bầu cử những nội dung phát sinh, hệ thống trực tuyến chỉ sử dụng kết quả biểu quyết, bầu cử cuối cùng tại thời điểm kết thúc việc biểu quyết, bầu cử.

h) Thông báo kết quả kiểm phiếu

Thông báo kết quả kiểm phiếu được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 12 của Quy chế này.

i) Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết, Biên bản họp ĐHĐCĐ được lập theo quy định tại Điều 23 Điều lệ Công ty.

k) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Việc công bố Nghị quyết và Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo Điều 15 của Quy chế này.

Điều 19. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến.

Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến bao gồm các nội dung sau:

a) Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến được thực hiện kết hợp theo quy định tại khoản 4 Điều 7 và khoản a Điều 18 Quy chế này.

b) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến được thực hiện kết hợp theo quy định tại Điều 8 và khoản b Điều 18 Quy chế này.

c) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông

Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến được thực hiện theo quy định tại Điều 16 Điều lệ Công ty và hướng dẫn cụ thể trong thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông và Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông.

d) Điều kiện tiến hành

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi đáp ứng các quy định tại Điều 19 Điều lệ Công ty và Điều 10 của Quy chế này.

đ) Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Hình thức biểu quyết thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến thực hiện theo quy định tại Điều 20 Điều lệ Công ty.

e) Cách thức bỏ phiếu

Cách thức bỏ phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến sẽ được quy định chi tiết trong Quy chế Đại hội đồng cổ đông của mỗi cuộc họp.

g) Cách thức kiểm phiếu

Cách thức kiểm phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến thực hiện kết hợp theo quy định tại khoản 4 Điều

Đ
C
Đ
KI
47A

12 khoản g Điều 18 Quy chế này.

h) Thông báo kết quả kiểm phiếu

Thông báo kết quả kiểm phiếu được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 12 của Quy chế này.

i) Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết, Biên bản họp ĐHĐCĐ được lập theo quy định tại Điều 23 Điều lệ Công ty.

k) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Việc công bố Nghị quyết và Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo Điều 15 của Quy chế này.

Chương III

TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BẢY NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

1. Vai trò: Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT được quy định tại Điều 27 Điều lệ Công ty.

3. Trách nhiệm của thành viên HĐQT:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Hội đồng quản trị còn có các nhiệm vụ sau:

a) Tham gia giải quyết các công việc chung của HĐQT, cùng với tập thể HĐQT thực hiện nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền hạn của HĐQT quy định trong Điều lệ Công ty và thực hiện các nhiệm vụ cụ thể do HĐQT phân công; chủ động làm việc với Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT khác về các công việc của HĐQT và các công việc có liên quan;

b) Thành viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT phân công phụ trách một số lĩnh vực cụ thể, chịu trách nhiệm trước HĐQT và Chủ tịch HĐQT về công việc thuộc lĩnh vực được phân công. Không ủy quyền cho người khác;

c) Thành viên HĐQT có trách nhiệm xem xét, trình HĐQT giải quyết vấn đề thuộc lĩnh vực mình phụ trách. Thành viên HĐQT phải dành thời gian thỏa đáng để nghiên cứu các nội dung chuẩn bị biểu quyết của HĐQT, quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, thực hiện các nhiệm vụ được Chủ tịch HĐQT ủy quyền và báo cáo kết quả công việc với HĐQT trong phiên họp gần nhất;

d) Thành viên HĐQT chịu trách nhiệm nghiên cứu và đề xuất các mục tiêu chiến lược, các chủ trương, cơ chế cần thiết thuộc thẩm quyền của HĐQT trong và ngoài lĩnh vực được phân công, theo dõi và có các giải pháp để thực hiện tốt các nhiệm vụ quyền hạn của HĐQT;

đ) Thành viên HĐQT có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn, giám sát việc điều hành thực hiện các chủ trương, chế độ, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các nghị quyết, quyết định của HĐQT;

e) Chủ trì các phiên họp định kỳ hoặc đột xuất của HĐQT khi được Chủ tịch HĐQT ủy quyền;

g) Thành viên HĐQT có quyền đề nghị HĐQT xem xét giải quyết một số vấn đề của Công ty;

h) Hàng quý, các thành viên HĐQT có báo cáo HĐQT về tình hình và kết quả thực hiện các công việc được phân công.

4. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị:

a). Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

b) Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 21. Nhiệm kỳ, cơ cấu và tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT

1. Số lượng, nhiệm kỳ cơ cấu của HĐQT được quy định tại Điều 26 Điều lệ Công ty.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;

c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

d) Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;

đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;

e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Công ty.

4. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

5. Thù lao và lợi ích khác của thành viên HĐQT được quy định tại Điều 28 Điều lệ Công ty.

Điều 22. Cách thức đề cử, ứng cử vào vị trí thành viên HĐQT

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

2. Trong trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định của Khoản 1 Điều 26 Điều lệ Công ty, HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được quy định như sau:

- Các thành viên HĐQT đương nhiệm tổ chức họp và thống nhất việc lựa chọn và đề cử bổ sung số ứng cử viên thành viên HĐQT sau khi hết thời hạn gửi hồ sơ đề cử, ứng cử của các cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết theo quy định của Khoản 1 Điều 26 Điều lệ Công ty;

- HĐQT đương nhiệm hoàn toàn chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ về việc đề cử ứng viên thành viên HĐQT;

- Cách thức HĐQT đương nhiệm đề cử ứng cử viên HĐQT này phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử;

3. Các ứng viên HĐQT phải đảm bảo tiêu chuẩn được quy định tại Điều 19 của Quy chế này;

4. Hồ sơ ứng viên tham gia thành viên HĐQT:

Hồ sơ ứng viên tham gia thành viên HĐQT được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Điều lệ Công ty.

Điều 23. Cách thức bầu thành viên HĐQT

Phương pháp bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu:

1. Mỗi cổ đông sẽ được phát một (01) “Phiếu bầu cử HĐQT” có đóng dấu của Công ty;

2. Mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu ghi trên Phiếu bầu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT. Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên;

3. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty;

4. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty

Điều 24. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn xin từ chức;

c) Các trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 25. Thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:

1. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên HĐQT;

2. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;

3. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của HĐQT có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

4. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của HĐQT liên tục trong vòng sáu (06) tháng, trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của ĐHCĐ.

6. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên HĐQT.

7. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty

Điều 26. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

Trong vòng 24 giờ kể từ khi có Nghị quyết/Quyết định của ĐHCĐ/HĐQT về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT hoặc nhận được đơn xin từ chức của thành viên HĐQT, Công ty phải thực hiện công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty đồng thời với việc báo cáo Ủy ban Chứng khoán và Sở Giao dịch chứng khoán theo đúng quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán hiện hành.

Điều 27. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT

1. Giới thiệu ứng viên của cổ đông, nhóm cổ đông

Căn cứ thư mời họp ĐHĐCĐ của HĐQT việc bầu thành viên HĐQT, các cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Quy chế này thực hiện việc đề cử người tham gia ứng cử thành viên HĐQT Công ty theo mẫu Giấy đề cử của Ban tổ chức ĐHĐCĐ kèm theo thư ứng cử của người được đề cử.

Mẫu giấy đề cử được Công ty gửi đến cho cổ đông cùng với thông báo mời họp ĐHĐCĐ và được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Hồ sơ ứng cử thành viên HĐQT phải được gửi về địa chỉ của Ban tổ chức ĐHĐCĐ đúng thời gian quy định được nêu trong thư mời họp. Hồ sơ ứng viên bao gồm:

- Giấy đề cử thành viên HĐQT;
- Thư ứng cử thành viên HĐQT;
- Phụ lục danh sách nhóm cổ đông đề cử thành viên HĐQT;
- Sơ yếu lý lịch của người ứng cử thành viên HĐQT;

2. Giới thiệu ứng viên HĐQT của HĐQT đương nhiệm

Trường hợp ứng viên HĐQT được đề cử theo khoản 2 Điều 22 Quy chế này, HĐQT đương nhiệm phải có Nghị quyết thông qua việc đề cử ứng viên tham gia thành viên HĐQT và phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty để các cổ đông được biết.

Điều 28. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT

Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

1. Bầu Chủ tịch HĐQT

Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT

Chủ tịch HĐQT sẽ bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp.
- Có đơn từ chức và được chấp nhận.
- Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

3. Bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT

Việc bãi nhiệm cũng như bầu, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị được thực hiện khi có Quyết định của Hội đồng quản trị. Nếu Điều lệ Công ty không có quy định khác thì quyết định này sẽ được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

Chương IV

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 29. Cuộc họp của HĐQT

Các cuộc họp của HĐQT được quy định tại Điều 30 Điều lệ Công ty.

Điều 30. Điều kiện tổ chức họp HĐQT

1. Các cuộc họp của HĐQT chỉ được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền) nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận;

2. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp;

3. Thành viên HĐQT, kể cả Chủ tịch HĐQT, có thể uỷ quyền cho một (01) thành viên HĐQT khác tham dự cuộc họp HĐQT. Việc uỷ quyền tham dự cuộc họp HĐQT phải được lập bằng văn bản và gửi đến Chủ tịch HĐQT ít nhất một (01) ngày trước ngày tổ chức họp HĐQT;

4. Thành viên HĐQT chỉ được uỷ quyền cho thành viên HĐQT khác dự họp nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

Điều 31. Công tác chuẩn bị phiên họp HĐQT

1. Chủ tịch HĐQT quyết định cụ thể ngày họp, địa điểm, đại biểu mời và chương trình, nội dung phiên họp;

2. Thư ký Công ty có nhiệm vụ:

- Vào ngày 20 của tháng cuối quý, sau khi nhận được báo cáo của Tổng giám đốc gửi Chủ tịch HĐQT dự kiến các nội dung cần báo cáo và xin ý kiến HĐQT tại cuộc họp định kỳ, Thư ký Công ty dự thảo chương trình nghị sự phiên họp, thời gian họp, địa điểm họp và dự kiến thành phần họp trình xin ý kiến các thành viên HĐQT;

- Sau khi nhận được ý kiến các thành viên HĐQT, Thư ký Công ty hoàn chỉnh chương trình nghị sự phiên họp trình Chủ tịch HĐQT quyết định;

- Sau khi có ý kiến của Chủ tịch HĐQT, Thư ký Công ty thông báo cho Tổng giám đốc biết các nội dung cần chuẩn bị cho cuộc họp để giao các phòng ban chuẩn bị;

- Kiểm tra tổng hợp các hồ sơ, tài liệu trình ra phiên họp;

- Gửi Thông báo mời họp, chương trình, nội dung thảo luận và tài liệu sử dụng tại cuộc họp (bằng văn bản) đến cho các thành viên HĐQT, BKS, Tổng giám đốc và những thành viên được mời tham dự và phải đảm bảo chậm nhất năm (05) ngày trước ngày phiên họp bắt đầu các thành phần trên phải nhận được tài liệu phiên họp;

- Chuẩn bị các điều kiện phục vụ phiên họp;

- Trường hợp thay đổi ngày họp, địa điểm họp, Thư ký Công ty phải thông báo cho thành viên HĐQT và các đại biểu được mời họp ít nhất 2 ngày, trước ngày phiên họp bắt đầu.

3. Tổng giám đốc Công ty có nhiệm vụ:

- Vào ngày 20 của tháng cuối quý, Tổng giám đốc báo cáo Chủ tịch HĐQT dự kiến các nội dung báo cáo và xin ý kiến HĐQT trong phiên họp định kỳ của HĐQT;
- Chỉ đạo các phòng ban chuẩn bị các nội dung cuộc họp HĐQT đã được Chủ tịch HĐQT phê chuẩn; chậm nhất 07 ngày làm việc, trước ngày phiên họp bắt đầu, phải gửi các tài liệu được giao chuẩn bị đến Thư ký Công ty để trình Chủ tịch HĐQT xem xét trước khi gửi cho các thành phần tham dự họp.

Điều 32. Thành phần dự phiên họp HĐQT

1. Thành viên HĐQT có trách nhiệm tham dự đầy đủ các phiên họp HĐQT, nếu vắng mặt phải báo cáo bằng văn bản và phải được chủ tịch HĐQT đồng ý;
2. Chủ tịch HĐQT mời BKS, Tổng giám đốc Công ty tham dự tất cả các phiên họp của HĐQT;
3. Chủ tịch HĐQT có thể mời đại diện Đảng ủy Công ty, đại diện Ban Thường vụ Công đoàn Công ty, Kế toán trưởng Công ty và Trưởng các phòng ban Công ty dự họp khi thảo luận về những vấn đề liên quan;
4. Đại biểu không phải là thành viên HĐQT được phát biểu ý kiến thảo luận, nhưng không có quyền biểu quyết.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Điều 33. Trình tự phiên họp HĐQT

Phiên họp được tiến hành theo trình tự sau:

1. Thư ký Công ty báo cáo số thành viên HĐQT có mặt, vắng mặt, ủy quyền và đại biểu tham dự, thông báo chương trình phiên họp;
2. Chủ tịch HĐQT chủ tọa phiên họp;
3. HĐQT thảo luận từng vấn đề theo trình tự:
 - Chủ trì đề án trình bày tóm tắt đề án, nêu rõ những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT. Nếu vấn đề cần xin ý kiến đã được thuyết minh rõ trong tờ trình thì không phải trình bày thêm;
 - Các thành viên HĐQT phát biểu ý kiến, nói rõ tán thành hay không tán thành nội dung nào trong đề án. Các đại biểu được mời họp phát biểu đánh giá, nhận xét về đề án;
 - Chủ trì đề án phát biểu ý kiến tiếp thu và giải trình những điểm chưa nhất trí, những câu hỏi của các thành viên HĐQT và các đại biểu dự họp;
 - Chủ tịch HĐQT kết luận và lấy ý kiến biểu quyết. Các quyết định của HĐQT phải được quá nửa số thành viên HĐQT biểu quyết tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định của Chủ tịch HĐQT là quyết định cuối cùng;
 - Nếu thấy vấn đề thảo luận chưa rõ, Chủ tọa đề nghị HĐQT chưa thông qua đề án và yêu cầu chuẩn bị thêm;

4. Chủ tịch HĐQT nêu các nội dung sẽ ban hành nghị quyết/quyết định của HĐQT tại phiên họp này; lấy ý kiến biểu quyết của các thành viên HĐQT; cách thức biểu quyết thông qua nghị quyết được quy định tại Điều 35 của Quy chế này;

Điều 34. Biên bản phiên họp HĐQT

1. Thư ký Công ty thực hiện việc ghi chép biên bản phiên họp của HĐQT. Biên bản được lập bằng tiếng Việt, phải ghi đầy đủ, trung thực nội dung các ý kiến phát biểu và diễn biến của phiên họp, ý kiến kết luận của chủ tọa phiên họp và kết quả biểu quyết theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty; có đầy đủ chữ ký của Thư ký Công ty, các thành viên HĐQT tham dự họp và Chủ tọa; Nội dung Biên bản họp HĐQT phải bảo đảm các nội dung tối thiểu theo quy định tại Điều 158 về “Biên bản họp Hội đồng quản trị”, Luật Doanh nghiệp.

2. Thư ký Công ty có trách nhiệm sao hoặc trích sao biên bản cuộc họp HĐQT gửi cho các thành viên HĐQT, BKS và Tổng giám đốc.

3. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực.

4. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

5. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

6. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 35. Nghị quyết phiên họp HĐQT

1. HĐQT sẽ ban hành nghị quyết, quyết định đối với mỗi vấn đề quan trọng đã được thảo luận và quyết nghị tại cuộc họp HĐQT. Nghị quyết của HĐQT phải được thông qua trước khi kết thúc cuộc họp và phải được phản ánh đầy đủ trong Biên bản cuộc họp;

2. Căn cứ nội dung Biên bản họp, Thư ký Công ty phối hợp với các phòng ban chức năng liên quan soạn thảo các nghị quyết/quyết định của HĐQT để ký, ban hành theo đúng thể thức văn bản;

Nghị quyết/quyết định của HĐQT được ký, ban hành trong thời hạn không chậm hơn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc phiên họp HĐQT;

3. Nguyên tắc thông qua nghị quyết của HĐQT là nguyên tắc đa số. Mỗi thành viên HĐQT trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân hoặc người được uỷ quyền hợp lệ đại diện cho thành viên đó tại cuộc họp HĐQT sẽ có một phiếu biểu quyết, có giá trị ngang nhau. HĐQT thông qua các nghị quyết bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc uỷ quyền (trên 50%). Nếu số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau thì lá phiếu của chủ tọa là lá phiếu quyết định;

4. Tùy trường hợp cụ thể, theo sự thống nhất của HĐQT, các nghị quyết của HĐQT có thể được biểu quyết thông qua dưới hình thức bỏ phiếu kín hoặc giơ tay ngay tại cuộc họp HĐQT;

5. Thành viên HĐQT vắng mặt có thể biểu quyết về nghị quyết của HĐQT bằng phương thức bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết bằng văn bản này phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển tới Chủ tịch HĐQT không muộn hơn 01 giờ trước thời gian dự kiến họp. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp;

6. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

7. Căn cứ Biên bản cuộc họp/Nghị quyết của HĐQT, Chủ tịch HĐQT sẽ thay mặt HĐQT ký vào các văn bản ban hành các quyết định, quy định, chỉ thị và các văn bản hướng dẫn khác của HĐQT để thực hiện trong toàn Công ty;

8. Các quyết định, quy định, chỉ thị và các văn bản hướng dẫn khác sau khi đã được Chủ tịch HĐQT ký ban hành phải được sao gửi cho từng thành viên HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc để theo dõi, giám sát và thực hiện;

9. Các tài liệu liên quan đến phiên họp gồm: biên bản, nghị quyết, quyết định và các tài liệu liên quan khác được lưu giữ tại văn phòng Thư ký Công ty theo chế độ bảo mật của Công ty.

Điều 36. Thông qua các nghị quyết của HĐQT bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Đối với các vấn đề không cần thiết phải triệu tập cuộc họp HĐQT, Chủ tịch HĐQT có thể tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản với điều kiện là các thành viên HĐQT phải nhận được đầy đủ các tài liệu có liên quan đến những nội dung được đề nghị HĐQT xem xét quyết nghị;

2. Cách thức lấy ý kiến:

- Bằng văn bản: Chủ tịch HĐQT thông qua Thư ký Công ty gửi văn bản lấy ý kiến tới các thành viên HĐQT. Các thành viên HĐQT cho ý kiến vào Phiếu lấy ý kiến và gửi lại Chủ tịch HĐQT thông qua Thư ký Công ty. Việc gửi phiếu lấy ý kiến các thành viên HĐQT được thực hiện thông qua phần mềm CPC-eOffice đồng thời cùng với việc gửi Email cho các thành viên. Nội dung biểu quyết của các thành viên HĐQT sẽ được Thư ký Công ty lưu trữ.

- Bằng Email: Chủ tịch HĐQT thông qua Thư ký Công ty gửi email về vấn đề cần lấy ý kiến cho các thành viên HĐQT, các thành viên HĐQT cho ý kiến và gửi lại bằng email cho Chủ tịch HĐQT thông qua Thư ký Công ty.

Thư ký Công ty có trách nhiệm tập hợp các ý kiến bằng văn bản và bằng email của các thành viên HĐQT để trình Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT ký các nghị quyết hoặc quyết định của HĐQT về các vấn đề đã được đa số các thành viên HĐQT thông qua.

200
DN
P
N
NE
3-1

Các ý kiến bằng email của các thành viên HĐQT được Thư ký Công ty in ra giấy để lưu trữ và có giá trị pháp lý như ý kiến bằng văn bản.

3. Trong trường hợp này, các nghị quyết của HĐQT chỉ có hiệu lực khi ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên HĐQT gửi phiếu tán thành. Loại nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như là một nghị quyết được các thành viên HĐQT thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức như thường lệ. Kết quả kiểm phiếu trong trường hợp này phải ghi vào biên bản thông qua nghị quyết của HĐQT.

Chương V

TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 37. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Vai trò: Ban kiểm soát có vai trò là kiểm tra, giám sát các hoạt động của cả Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông để các hoạt động của Công ty được minh bạch vì lợi ích của các cổ đông và Công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của BKS được quy định tại Điều 39 Điều lệ Công ty.

3. Trách nhiệm của thành viên BKS được quy định tại Điều 173 Luật Doanh nghiệp.

Điều 38. Nhiệm kỳ, cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát

1. Số lượng, nhiệm kỳ cơ cấu của BKS được quy định tại Điều 37 Điều lệ Công ty.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên BKS được quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Thù lao và lợi ích khác của thành viên BKS được quy định tại Điều 41 Điều lệ Công ty.

Điều 39. Cách thức đề cử, ứng cử vào vị trí thành viên Ban Kiểm soát

Cách thức đề cử, ứng cử vào vị trí thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện tương tự theo quy định tại Điều 22 Quy chế này

Điều 40. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát

Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại Điều 23 Quy chế này.

Điều 41. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Thành viên bị xem xét miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên BKS theo quy định tại khoản 2 Điều 37 Điều lệ Công ty;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận.

c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

2. Thành viên BKS bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của thành viên BKS quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

c. Trường hợp khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

d. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.

Điều 42. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

Trong vòng 24 giờ kể từ khi có Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS hoặc nhận được đơn xin từ chức của thành viên BKS, Công ty phải thực hiện công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty đồng thời với việc báo cáo Ủy ban Chứng khoán và Sở Giao dịch chứng khoán theo đúng quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán hiện hành.

Điều 43. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Ban Kiểm soát

1. Giới thiệu ứng viên của cổ đông, nhóm cổ đông

Cách thức giới thiệu ứng viên Ban kiểm soát của cổ đông, nhóm cổ đông được thực hiện tương tự quy định tại Điều 27 Quy chế này.

2. Giới thiệu ứng viên Ban Kiểm soát của BKS đương nhiệm

Trường hợp ứng viên BKS được đề cử theo khoản 2 Điều 39 Quy chế này, BKS đương nhiệm phải có Nghị quyết thông qua việc đề cử ứng viên tham gia thành viên BKS và phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty để các cổ đông được biết.

Chương VI

**TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM,
BÁI NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY**

Điều 44. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty

1. Bổ nhiệm

- HĐQT chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật doanh nghiệp.

- Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định là năm (05) năm.

- Người phụ trách quản trị công ty được hưởng mức lương, thù lao và các khoản lợi ích khác do HĐQT Công ty quy định.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a. Có hiểu biết về pháp luật;

b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Miễn nhiệm

Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

Điều 45. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty

Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty được quy định tại khoản 3 Điều 32 Điều lệ Công ty

Điều 46. Thông báo về bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Trong vòng 24 giờ kể từ khi có Nghị quyết/Quyết định HĐQT về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty, Công ty phải thực hiện công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty đồng thời với việc báo cáo Ủy ban Chứng khoán và Sở Giao dịch chứng khoán theo đúng quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán hiện hành.

Chương VII

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, BÁI NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

Điều 47. Các tiêu chuẩn lựa chọn người điều hành doanh nghiệp

1. Tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp

a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

b. Có đạo đức nghề nghiệp, trung thực, nhiệt tình và có uy tín;

c. Nắm vững nghiệp vụ, chuyên môn lĩnh vực phụ trách;

d. Có năng lực quản trị;

Các tiêu chuẩn riêng cụ thể cho từng vị trí (ngoại trừ Tổng Giám đốc) sẽ do Tổng Giám đốc đề xuất và HĐQT phê chuẩn.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc

Ngoài những quy định tại Điều 63 Luật Doanh nghiệp, Tổng Giám đốc còn phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện dưới đây:

- a. Có trình độ đại học trở lên. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty;
- b. Không phải là thành viên BKS của Công ty;
- c. Không được đồng thời làm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của doanh nghiệp khác.
- d) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- đ) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ;

Tùy theo từng giai đoạn phát triển của Công ty, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc do HĐQT quyết định.

3. Tiêu chuẩn lựa chọn Kế toán trưởng

Các tiêu chuẩn và điều kiện cho vị trí Kế toán trưởng như sau:

- a. Không thuộc đối tượng những người bị cấm đảm nhiệm công tác kế toán quy định tại Điều 51 Luật Kế toán;
- b. Có phẩm chất đạo đức, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, có ý thức chấp hành và đấu tranh bảo vệ quyền lợi, chính sách, chế độ quản lý tài chính và kinh tế theo quy định của pháp luật và của Công ty;
- c. Có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ kế toán từ trình độ đại học trở lên, có thời gian công tác thực tế trong nghề kế toán ít nhất là năm (05) năm và có chứng chỉ bồi dưỡng và cấp chứng chỉ kế toán trưởng đúng theo quy định của pháp luật về kế toán.

Điều 48. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp

1. HĐQT bổ nhiệm một thành viên trong HĐQT hoặc một người khác làm Tổng giám đốc điều hành. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động;

2. HĐQT quyết định bổ nhiệm các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng, Trưởng phòng, Trưởng ban, Giám đốc các đơn vị trực thuộc, Giám đốc các chi nhánh và văn phòng đại diện, người đại diện phần vốn của Công ty tại DN khác, Thư ký Công ty, Người phụ trách quản trị công ty; Quyết định việc xếp mức lương đối với cán bộ chuyên trách Đảng, đoàn thể tương đương trên cơ sở đề xuất của Tổng Giám đốc;

3. Tổng giám đốc quyết định việc bổ nhiệm, mức lương, phụ cấp và các lợi ích khác đối với người điều hành khác còn lại của Công ty. Riêng đối với các chức danh Phó Trưởng phòng, Phó Trưởng Ban, Phó Giám đốc các đơn vị trực thuộc, Phó Giám đốc các Chi nhánh và Văn phòng Đại diện, TGD ký các quyết định bổ nhiệm sau khi được HĐQT thông qua.

Điều 49. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp

1. Thẩm quyền ký kết và quyết định các điều khoản của hợp đồng lao động được quy định tại Điều 35 của Điều lệ. Một thành viên HĐQT được ủy quyền sẽ ký kết hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc sẽ ký kết hợp đồng lao động với các người điều hành còn lại và tất cả cán bộ công nhân viên Công ty;

2. HĐQT có thể xem xét đưa thêm các điều khoản và các điều kiện khác vào trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc và các người điều hành khác, nếu xét thấy cần thiết, cụ thể như:

- Chế tài (phạt hoặc bồi thường) áp dụng khi một bên không thực hiện trách nhiệm của mình;
- Những lợi ích và quyền lợi khác;
- Chi phí bồi thường;
- Điều khoản về tính bảo mật trong thời gian trong thời hạn hợp đồng cũng như sau khi người điều hành khác rời khỏi Công ty với bất cứ lý do gì;
- Điều khoản về việc không cạnh tranh trong thời hạn hợp đồng cũng như sau khi người điều hành khác ra khỏi Công ty với bất kỳ lý do gì;
- Cam kết bảo vệ lợi ích của Công ty và các cổ đông;
- Điều kiện chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn.

Điều 50. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm người điều hành doanh nghiệp

1. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên HĐQT dự họp có quyền biểu quyết tán thành (không kể biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp thành viên Hội đồng quản trị này kiêm Tổng Giám đốc) ;

2. Tổng Giám đốc có thể được HĐQT miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển nhân sự của Công ty;
- b. Do sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác;
- c. Và các trường hợp khác mà pháp luật cho phép.

3. Tổng Giám đốc có thể bị HĐQT bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của Công ty;
- b. Vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chưa đến mức buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động;
- c. Và những trường hợp khác mà pháp luật cho phép.

4. Các trường hợp cách chức những người điều hành khác do HĐQT bổ nhiệm được Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị xem xét.

5. Trong trường hợp xét thấy cần thiết và phục vụ cho lợi ích chung của Công ty, HĐQT có quyền xem xét và ra quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm bất cứ người điều hành doanh nghiệp nào của Công ty;

6. Việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có).

Điều 51. Thông báo bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp

Trong vòng 24 giờ kể từ khi có Nghị quyết/Quyết định HĐQT về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành doanh nghiệp, Công ty phải thực hiện công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty đồng thời với việc báo cáo Ủy ban Chứng khoán và Sở Giao dịch chứng khoán theo đúng quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán hiện hành.

Điều 52. Tiền lương và lợi ích khác của Người điều hành doanh nghiệp

Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Chương VIII
QUY TRÌNH, THỦ TỤC PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 53. Nguyên tắc làm việc

1. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám Đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải tự chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao và phải nghiêm túc phối hợp hoạt động để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cổ đông, phát triển Công ty;

2. Tất cả các thành viên đều có quyền bảo lưu ý kiến thống nhất hoặc không thống nhất đối với một nội dung và có trách nhiệm giải trình về việc đó khi được yêu cầu.

Điều 54. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa HĐQT và BKS, TGD

1. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản các cuộc họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc điều hành được thực hiện theo thủ tục, trình tự triệu tập họp HĐQT được quy định tại Quy chế này.

2. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và BKS:

- HĐQT và BKS là cơ quan quản trị của Công ty. Quan hệ giữa HĐQT và BKS là mối quan hệ giữa quản trị doanh nghiệp và kiểm soát tính tuân thủ.

- HĐQT và BKS phối hợp chặt chẽ, thường xuyên để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành;

- Chủ tịch HĐQT mời BKS tham dự tất cả các cuộc họp của HĐQT.

- Thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo được gửi đến các thành viên BKS cùng thời gian gửi tới các thành viên HĐQT;

- Tất cả các nghị quyết, quyết định của HĐQT và các văn bản có tính chất quản trị chung do HĐQT ban hành đều được gửi đến BKS (đồng thời với thời điểm gửi đến Tổng Giám đốc) trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày ký;

- Khi BKS đề xuất lựa chọn Kiểm toán độc lập, HĐQT phải phản hồi ý kiến bằng văn bản trong vòng 7 ngày;

- Các nội dung khác cần xin ý kiến của BKS phải được gửi trước ít nhất là 7 ngày làm việc và BKS sẽ phản hồi trong vòng 7 ngày làm việc.

3. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và Tổng Giám đốc

- Mọi quan hệ giữa HĐQT và Tổng Giám đốc là mối quan hệ giữa quản trị doanh nghiệp và điều hành công việc hàng ngày. Trong quá trình thực hiện chức năng quản trị, HĐQT tạo điều kiện để Tổng Giám đốc thực hiện tốt chức năng của mình;

- Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT; HĐQT có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện này;

- Đối với công tác tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, HĐQT phải thông báo cho TGD về việc phối hợp, sử dụng nguồn lực trước ít nhất là 45 ngày;

- Trong trường hợp cấp thiết, HĐQT có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác trong Công ty cung cấp các thông tin về hoạt động của Công ty, các yêu cầu này phải được gửi cho Tổng Giám đốc trước ít nhất 24 giờ. HĐQT không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan;

- Các vấn đề thuộc thẩm quyền HĐQT phê duyệt theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty mà được Tổng Giám đốc đề xuất phải được HĐQT phản hồi trong vòng 7 ngày hoặc một thời hạn khác do các bên thỏa thuận;

- HĐQT khen thưởng hoặc kỷ luật đối với việc hoàn thành hoặc không hoàn thành thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng Giám đốc;

- Các nội dung khác cần ý kiến của Tổng Giám đốc phải được gửi trước ít nhất 7 ngày làm việc và Tổng Giám đốc sẽ phản hồi trong vòng 7 ngày làm việc.

Điều 55. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa BKS và HĐQT, TGD

1. Việc tiếp cận thông tin và tài liệu của Công ty, BKS có nghĩa vụ nêu rõ lý do trong văn bản yêu cầu cung cấp và bảo mật tuyệt đối các thông tin thu thập trong quá trình giám sát hoạt động Công ty. Việc tiết lộ các thông tin này chỉ khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc được sự đồng ý của ĐHĐCĐ;

2. Các thông tin và tài liệu này bao gồm:

- Thông báo mời họp cùng tài liệu liên quan, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT;

- Biên bản, Nghị quyết của HĐQT;

- Báo cáo của Tổng Giám đốc;

- Thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh;
- Báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính;
- Báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT;
- Những tài liệu liên quan khác.

3. Phối hợp hoạt động giữa BKS và HĐQT

- BKS có vai trò giám sát, phối hợp, tư vấn và thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác. Cụ thể như sau:

+ Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ;

+ Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị (cùng lúc yêu cầu của Tổng giám đốc, kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên Ban kiểm soát quan tâm;

+ Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho HĐQT để có thêm cơ sở giúp HĐQT trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với HĐQT, Tổng Giám đốc trước khi báo cáo trước ĐHĐCĐ. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được bảo lưu ý kiến, ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với ĐHĐCĐ gần nhất;

+ Trường hợp BKS phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của các thành viên HĐQT, BKS phải thông báo bằng văn bản tới HĐQT trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

+ Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của Công ty thì BKS phải gửi văn bản cùng tài liệu liên quan trước ít nhất 15 ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi;

+ Thành viên BKS có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật;

+ Các nội dung khác cần xin ý kiến của HĐQT phải được gửi trước ít nhất là 7 ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng 7 ngày làm việc.

4. Phối hợp hoạt động giữa BKS và Tổng Giám đốc

- BKS có chức năng kiểm tra và giám sát hoạt động của Tổng giám đốc.

- Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu Tổng giám đốc (cùng lúc yêu cầu cả thành viên HĐQT, kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên BKS quan tâm;

- Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho Tổng Giám đốc để có thêm cơ sở giúp Tổng Giám đốc trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với Tổng Giám đốc trước khi báo cáo trước ĐHĐCĐ. Trường hợp không thống nhất

D:\D:\DI KH TRA

quan điểm thì được quyền bảo lưu ý kiến, ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với ĐHĐCĐ gần nhất;

- Trường hợp BKS phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, BKS thông báo bằng văn bản với Tổng Giám đốc trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

- Thành viên BKS có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty tại trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;

- Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu của BKS phải được gửi đến Công ty trước ít nhất bốn mươi tám (48) giờ. BKS không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan;

- Khi có nhu cầu sử dụng tư vấn độc lập bên ngoài, BKS phải thông tin về phạm vi, giá trị và các nội dung trọng yếu khác trong vòng 48 giờ kể từ thời điểm xác lập dịch vụ đó;

- Các nội dung khác cần ý kiến của Tổng Giám đốc phải được gửi trước ít nhất là 7 ngày làm việc và Tổng Giám đốc sẽ phản hồi trong vòng 7 ngày làm việc.

Điều 56. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa TGD và HĐQT, BKS

1. Phối hợp hoạt động giữa Tổng Giám đốc và HĐQT:

- Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty;

- Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm và được ủy quyền các quyền hạn cần thiết để thi hành các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT;

- Tổng Giám đốc tạo điều kiện cần thiết để các thành viên HĐQT thực hiện tốt nhiệm vụ được phân công;

- Tổng Giám đốc là người thay mặt điều hành hoạt động của Công ty, đảm bảo Công ty hoạt động liên tục và hiệu quả;

- Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu;

- Trong quá trình thực hiện các nghị quyết và quyết định của HĐQT, nếu Tổng Giám đốc phát hiện thấy có vấn đề không có lợi cho Công ty thì phải báo cáo kịp thời cho Chủ tịch HĐQT biết để giải quyết;

- Tổng Giám đốc có quyền quyết định vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp như thiên tai, hỏa hoạn nhưng phải báo cáo trước HĐQT và ĐHĐCĐ gần nhất về các quyết định này;

- TGD chịu trách nhiệm báo cáo bằng văn bản cho HĐQT và ĐHĐCĐ về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao. Theo định kỳ (quý, 6 tháng, năm) và khi có yêu cầu; Khi cần thiết, HĐQT có quyền (thông qua truyền đạt của TGD) yêu cầu các thành viên Ban TGD và Trưởng, phó các phòng ban báo cáo về việc thực hiện nhiệm vụ được giao;

- Định kỳ (quý, 6 tháng, năm), TGD phải tổ chức họp Ban TGD để kiểm điểm, đánh giá việc thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ. Báo cáo kết quả đánh giá cho HĐQT;

- Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty, Tổng Giám đốc gửi cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn 7 ngày trước ngày nội dung đó cần được quyết định;

- Khi chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được Tổng Giám đốc trình đề HĐQT thông qua;

- Tổng giám đốc phải lập kế hoạch đề HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý;

- Tổng giám đốc phải lập kế hoạch đề HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức Đảng, Công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ Công ty, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành;

- Tổng giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật;

- Báo cáo hoạt động điều hành công ty, trong đó có cung cấp chi tiết tình hình tổ chức và hoạt động của Công ty;

- Trước ngày 31/07 hàng năm, TGD phải trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính kế tiếp;

- Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do HĐQT đề xuất, và tư vấn đề HĐQT quyết định chính sách của người điều hành doanh nghiệp;

- Các nội dung khác cần xin ý kiến của HĐQT phải được gửi trước ít nhất 7 ngày làm việc và Hội đồng quản trị sẽ phản hồi trong vòng 7 ngày làm việc;

2. Việc phối hợp hoạt động giữa Tổng Giám đốc và BKS:

- Tổng Giám đốc có trách nhiệm hỗ trợ, phối hợp với BKS nhằm đảm bảo BKS thực hiện đúng trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

20
01
01
IN
16

Chương IX
QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT
ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT
THÀNH VIÊN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

Điều 57. Đánh giá hoạt động

1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động cho tất cả các đối tượng là thành viên HĐQT, TGD và các cán bộ quản lý khác;

2. Các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động phải hài hòa giữa lợi ích của cán bộ quản lý với lợi ích lâu dài của Công ty và cổ đông. Các chỉ số tài chính và phi tài chính được sử dụng trong đánh giá được HĐQT cân nhắc thận trọng và quyết định tại từng thời điểm. Trong đó, các chỉ tiêu phi tài chính có thể được đề cập như: quyền lợi của các bên liên quan, hiệu quả hoạt động, những tiến bộ và cải tiến đạt được, v.v....

3. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công và các tiêu chuẩn đánh giá đã được thiết lập, HĐQT tổ chức thực hiện đánh giá hoạt động thành viên HĐQT;

4. Việc đánh giá hoạt động của thành viên BKS được tổ chức thực hiện theo phương thức được đề cập tại Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS;

5. Việc đánh giá hoạt động của cán bộ quản lý khác thực hiện theo các quy định nội bộ hoặc có thể dựa vào bản tự đánh giá hoạt động của các cán bộ quản lý này.

Điều 58. Khen thưởng

1. HĐQT hoặc Hội đồng thi đua khen thưởng Công ty có trách nhiệm xây dựng hệ thống khen thưởng. Việc khen thưởng được thực hiện dựa trên kết quả đánh giá hoạt động tại Điều 57 của Quy chế này;

2. Đối tượng: các cá nhân theo chế độ khen thưởng do HĐQT quy định;

3. Các hình thức khen thưởng: bằng tiền, bằng cổ phiếu hoặc các hình thức khác do HĐQT hoặc Tiểu ban lương thưởng quy định thông qua quy định nội bộ của HĐQT và/hoặc tiểu ban;

4. Đối với đối tượng là thành viên HĐQT, Kiểm soát viên: HĐQT, Kiểm soát viên quyết định trong phạm vi thù lao được ĐHCĐ phê chuẩn;

5. Đối với đối tượng là người điều hành doanh nghiệp: nguồn kinh phí thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty và nguồn hợp pháp khác. Mức khen thưởng được căn cứ vào kết quả kinh doanh thực tế hàng năm, Tổng Giám đốc sẽ đề xuất HĐQT phê chuẩn.

Điều 59. Xử lý vi phạm và kỷ luật

1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng hệ thống kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm. Việc kỷ luật phải có hình thức cao nhất là bãi nhiệm, cách chức;

2. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu với sự trung thực, siêng năng, cẩn trọng sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra;

3. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương X

QUY TRÌNH, THỦ TỤC VỀ VIỆC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 60. Quy trình, thủ tục thành lập tiểu ban

1. HĐQT có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro

2. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên của các Tiểu ban thuộc HĐQT thực hiện theo Nghị quyết của HĐQT.

4. Chức năng, nhiệm vụ, quy mô, thời gian hoạt động của các tiểu ban sẽ được quy định tại quyết định thành lập.

Điều 61. Hoạt động của các tiểu ban

1. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị

- Các tiểu ban của Hội đồng quản trị bao gồm: Tiểu ban kế hoạch và chiến lược phát triển Công ty, Tiểu ban nhân sự, Tiểu ban lương thưởng, Tiểu ban kiểm toán nội bộ, v.v...

- Các nhiệm vụ, quyền hạn của một Tiểu ban bất kỳ, nếu chưa được thành lập, sẽ là nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT;

- Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

- Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Tiểu ban kế hoạch và chiến lược phát triển

a. Tiểu ban kế hoạch và chiến lược phát triển Công ty gồm tối thiểu 3 thành

001
GT
HÀN
LƯ
HỒ
T.KH

viên, do một thành viên HĐQT là Trưởng tiểu ban. Tiểu ban kế hoạch và chiến lược phát triển có các thành viên là thành viên HĐQT và một số thành viên khác (không phải là thành viên HĐQT), do HĐQT bổ nhiệm theo đề nghị của Chủ tịch HĐQT;

b. Tiểu ban kế hoạch và chiến lược phát triển có các chức năng sau:

- Tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các quy trình, chính sách thuộc thẩm quyền của mình liên quan đến việc lập kế hoạch, chiến lược phát triển trong hoạt động của Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

- Phân tích, xem xét, nghiên cứu, đánh giá các yếu tố trong quá khứ, hiện tại và xu hướng trong tương lai ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty;

- Tham mưu cho HĐQT trong việc xác định mục tiêu, định hướng, chiến lược kinh doanh trong ngắn hạn cũng như dài hạn;

- Tham mưu cho HĐQT trong việc đề ra các giải pháp nhằm thực hiện thành công các mục tiêu, định hướng, chiến lược kinh doanh đã đề ra;

- Các chức năng, nhiệm vụ khác, quy định trong quy chế tổ chức và hoạt động của Tiểu ban kế hoạch và chiến lược phát triển do HĐQT phê chuẩn.

3. Tiểu ban nhân sự

a. Tiểu ban nhân sự Công ty gồm tối thiểu 3 thành viên, do một thành viên HĐQT là Trưởng tiểu ban. Tiểu ban nhân sự có các thành viên là thành viên HĐQT và một số thành viên khác (không phải là thành viên HĐQT), do HĐQT bổ nhiệm theo đề nghị của Chủ tịch HĐQT;

b. Tiểu ban nhân sự có các chức năng sau:

- Tham mưu cho HĐQT trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT về các vấn đề liên quan đến tổ chức bộ máy, nhân sự trong quá trình quản trị Công ty;

- Tham mưu cho HĐQT về quy mô, cơ cấu HĐQT, các cán bộ quản lý nhằm phù hợp với quy mô hoạt động và chiến lược phát triển của Công ty;

- Tham mưu cho HĐQT xử lý các vấn đề nhân sự phát sinh trong quá trình tiến hành các thủ tục bầu, bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm các chức danh thành viên HĐQT, thành viên BKS và các cán bộ quản lý theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

- Tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các quy trình, quy định nội bộ của Công ty thuộc thẩm quyền của mình về quy chế tuyển chọn nhân sự, đào tạo, chính sách đãi ngộ khác đối với cán bộ quản lý, nhân viên của Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

- Các chức năng, nhiệm vụ khác, quy định trong quy chế tổ chức và hoạt động của Tiểu ban nhân sự do HĐQT phê chuẩn.

4. Tiểu ban lương thưởng

a. Tiểu ban lương thưởng Công ty gồm tối thiểu 3 thành viên, do một thành viên độc lập HĐQT là Trưởng tiểu ban. Tiểu ban lương thưởng có các thành viên là thành viên HĐQT và một số thành viên khác (không phải là thành viên HĐQT), do HĐQT bổ nhiệm theo đề nghị của Chủ tịch HĐQT;

b. Tiểu ban lương thưởng có các chức năng sau:

- Tham mưu cho HĐQT ban hành các quy chế, chính sách về lương thưởng và giám sát việc thực hiện các chính sách này;

- Xây dựng, đề xuất về định mức lương, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp cũng như các tiêu chí đánh giá liên quan đến việc lương thưởng của các thành viên này;

- Tham mưu cho HĐQT các chương trình khen thưởng cho cán bộ, nhân viên có thành tích xuất sắc một cách công khai, công bằng, phù hợp và kịp thời;

- Các chức năng, nhiệm vụ khác, quy định trong quy chế tổ chức và hoạt động của Tiểu ban lương thưởng do HĐQT phê chuẩn.

5. Tiểu ban kiểm toán nội bộ

a. Tiểu ban kiểm toán nội bộ Công ty gồm tối thiểu 3 thành viên, do một thành viên HĐQT là Trưởng tiểu ban. Tiểu ban kiểm toán nội bộ có các thành viên là thành viên HĐQT và một số thành viên khác (không phải là thành viên HĐQT), do HĐQT bổ nhiệm theo đề nghị của Chủ tịch HĐQT;

b. Tiểu ban kiểm toán nội bộ có các chức năng sau:

- Tham mưu cho HĐQT các biện pháp tài chính phù hợp và hiệu quả dựa trên việc phân tích, xem xét, đánh giá tình hình tài chính của Công ty trong các thời kỳ;

- Tham mưu cho HĐQT ban hành các quy định về quản lý tài chính và chi tiêu nội bộ;

- Tham mưu cho HĐQT về việc giám sát tính trung thực của các báo cáo tài chính Công ty, năng lực và tính độc lập của kiểm toán độc lập, năng lực và tính hiệu quả của kiểm toán nội bộ theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

- Các chức năng, nhiệm vụ khác, quy định trong quy chế tổ chức và hoạt động của Tiểu ban kiểm toán do HĐQT phê chuẩn.

6. Tiểu ban tổng hợp

a. Tiểu ban tổng hợp của Công ty gồm tối thiểu 3 thành viên, do một thành viên HĐQT là Trưởng tiểu ban. Tiểu ban tổng hợp có các thành viên là thành viên HĐQT và một số thành viên khác (không phải là thành viên HĐQT), do HĐQT bổ nhiệm theo đề nghị của Chủ tịch HĐQT;

b. Tiểu ban tổng hợp có các chức năng sau:

- Tổng hợp các báo cáo định kỳ, bất thường theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;

- Thực hiện công tác chuẩn bị cho các cuộc họp HĐQT, họp Đại hội cổ đông thường niên, bất thường của Công ty;

- Các chức năng, nhiệm vụ khác, quy định trong quy chế tổ chức và hoạt động của Tiểu ban tổng hợp do HĐQT phê chuẩn.

7. Tiểu ban hoàn thiện hệ thống Quy chế/Quy định quản trị Công ty

a. Tiểu ban Công ty gồm tối thiểu 3 thành viên, do một thành viên HĐQT là Trưởng tiểu ban. Tiểu ban hoàn thiện hệ thống Quy chế/Quy định quản trị Công ty có các thành viên là thành viên HĐQT và một số thành viên khác (không phải là thành viên HĐQT), do HĐQT bổ nhiệm theo đề nghị của Chủ tịch HĐQT;

b. Tiểu ban hoàn thiện hệ thống Quy chế/Quy định quản trị công ty có các chức



năng sau:

- Đảm bảo Công ty có đầy đủ Quy chế, Quy định cần thiết và đáp ứng được yêu cầu nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản trị Công ty;
- Nội dung các văn bản ban hành phải phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Bộ luật lao động và các văn bản Luật có liên quan khác (bao gồm cả các văn bản hướng dẫn dưới luật);
- Nội dung các văn bản ban hành phải phù hợp với Quy định, Quy chế có liên quan của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Tổng công ty Điện lực miền Trung;
- Các văn bản ban hành phải đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định về thể thức ban hành văn bản;
- Các chức năng, nhiệm vụ khác, quy định trong quy chế tổ chức và hoạt động của Tiểu ban hoàn thiện hệ thống Quy chế/Quy định quản trị công ty do HĐQT phê chuẩn.

Chương XI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 62. Bổ sung và sửa đổi quy chế

1. Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có vướng mắc, các đơn vị, cá nhân có liên quan báo cáo về HĐQT (qua Thư ký Công ty) và đề xuất biện pháp xử lý để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.
2. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này được Hội đồng quản trị Công ty xem xét quyết định trước khi trình ĐHĐCĐ thường niên thông qua.
3. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập hoặc có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 63. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này gồm có 11 chương 63 điều có hiệu lực kể từ ngày ĐHĐCĐ thường niên 2023 thông qua và thay thế Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa ban hành kèm theo quyết định số 92/QĐ-ĐLKH ngày 07/04/2022 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa.
2. Các thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty, Người phụ trách quản trị công ty, Thư ký Công ty, các Phòng ban chức năng, Trưởng các đơn vị trực thuộc Công ty có trách nhiệm triển khai thực hiện quy chế này.